Phụ lục 1 (Chỉ tiêu dành riêng cho người dân tộc thiểu số - Jrai, Bahnar, Chăm, Hrê)

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH GIA LAI NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 3451/KH-SGDĐT ngày 19 /12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
						Giáo viên																																													Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
	Tổng cộng		**31555**	**27307**	**204**	**189**	**64**	**74**	**55**	**4**	**2**	**4**	**2**	**8**	**36**	**5**			**2**	**1**	**6**	**1**	**2**	**1**	**5**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**		**1**	**2**	**15**	**3**	**1**	**1**	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**						**15**	**8**	**1**	**3**	**3**
I	**TRƯỜNG MẦM NON**		**6411**	**5073**	**67**	**64**	**64**																																												**3**	**2**	**1**		
33	Trường MG Cát Thành	Xã Cát Tiến	27	14	1	1	1																																																
41	Trường MG Cát Nhơn	Xã Xuân An	27	16	1	1	1																																																
43	Trường MG Cát Thắng	Xã Ngô Mây	22	9	1	1	1																																																
47	Trường MG Mỹ Thắng	Xã Phù Mỹ Đông	27	22	1	1	1																																																
57	Trường MG Mỹ Thành	Xã An Lương	32	25	1	1	1																																																
67	Trường MN Tuy Phước	Xã Tuy Phước	42	30	1	1	1																																																
74	Trường MN Phước Sơn	Xã Tuy Phước Đông	46	37	1	1	1																																																
107	Trường MN Hoa Mai	Phường Cửu An	13	11	1	1	1																																																
108	Trường MN Hoa Sen	Phường Cửu An	19	18	1	1	1																																																
113	Trường MG Tuổi Thơ	Xã Ia Rbol	16	14	1																																														1		1		
118	Trường MN Hòa Phú	Xã Chư Păh	24	20	1																																														1	1			
124	Trường MN Ia Khươl	Xã Ia Khươl	26	21	1	1	1																																																
126	Trường MN Hà Tây	Xã Ia Khươl	23	13	1	1	1																																																
127	Trường MG Hoa Sữa	Xã Chư Prông	15	12	1	1	1																																																
132	Trường MG Vành Khuyên	Xã Ia Boòng	21	15	1	1	1																																																
133	Trường MG Hoa Phượng	Xã Ia Boòng	14	12	1																																														1	1			
134	Trường MG Tân Tiến	Xã Ia Lâu	25	16	1	1	1																																																
136	Trường MG Tuổi Thơ	Xã Ia Pia	20	13	1	1	1																																																
137	Trường MN Họa Mi	Xã Ia Pia	23	16	1	1	1																																																
138	Trường MN Tuổi Ngọc	Xã Ia Pia	19	13	1	1	1																																																
141	Trường MG Sao Mai	Xã Ia Tôr	18	13	1	1	1																																																
144	Trường MN Họa Mi	Xã Chư Pưh	27	15	1	1	1																																																
145	Trường MN Bằng Lăng	Xã Chư Pưh	27	18	1	1	1																																																
147	Trường MN 1/6	Xã Ia Le	29	19	1	1	1																																																
148	Trường MN Hoa Sen	Xã Ia Le	15	7	1	1	1																																																
150	Trường MN Vành Khuyên	Xã Ia Hrú	25	15	1	1	1																																																
151	Trường MN Bình Minh	Xã Ia Hrú	23	15	1	1	1																																																
152	Trường MN Hoa Phượng	Xã Ia Hrú	27	15	1	1	1																																																
159	Trường MN 3/2	Xã Bờ Ngoong	18	10	1	1	1																																																
160	Trường MN 30/4	Xã Bờ Ngoong	26	15	1	1	1																																																
162	Trường MG Măng Non	Xã Ia Ko	20	12	1	1	1																																																
165	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Al Bá	23	16	1	1	1																																																
166	Trường MN 1/6	Xã Al Bá	22	12	1	1	1																																																
167	Trường MG Hoa Huệ	Xã Al Bá	19	11	1	1	1																																																
173	Trường MN Ia Pết	Xã Ia Băng	28	17	1	1	1																																																
174	Trường MN Ia Băng	Xã Ia Băng	37	25	1	1	1																																																
180	Trường MN Hà Đông	Xã Đăk Sơmei	29	19	2	2	2																																																
183	Trường MN Hoa Sen	Xã Ia Krêl	21	13	1	1	1																																																
184	Trường MN Tuổi Thơ	Xã Ia Krêl	27	17	1	1	1																																																
197	Trường MN 19/8	Xã Ia Krái	44	37	1	1	1																																																
213	Trường MG Sơn Lang	Xã Sơn Lang	26	19	1	1	1																																																
215	Trường MG Đak Rong	Xã Đak Rong	42	23	1	1	1																																																
219	Trường MN Sao Mai	Xã Kong Chro	41	31	1	1	1																																																
220	Trường MN 17/3	Xã Kong Chro	24	17	1	1	1																																																
233	Trường MN Hải Âu	Xã Phú Túc	29	19	1	1	1																																																
235	Trường MN Hoa Sen	Xã Phú Túc	23	14	1	1	1																																																
237	Trường MN Tuổi Thơ	Xã Phú Túc	22	12	1	1	1																																																
238	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Ia Rsai	30	16	1	1	1																																																
240	Trường MN Ban Mai	Xã Ia Rsai	33	25	1	1	1																																																
241	Trường MN Ánh Sao	Xã Uar	29	20	1	1	1																																																

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
						Giáo viên																																													Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																									
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
242	Trường MN Bình Minh	Xã Uar	28	18	1	1	1																																																
243	Trường MN Sao Mai	Xã Uar	35	26	1	1	1																																																
248	Trường MG 17/3	Xã Mang Yang	21	19	1	1	1																																																
250	Trường MN Hải Yang	Xã Mang Yang	15	10	1	1	1																																																
251	Trường MG Đăk Djrăng	Xã Mang Yang	24	20	2	2	2																																																
254	Trường MN số 3 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	23	13	1	1	1																																																
257	Trường MG Hra số 1	Xã Hra	28	22	1	1	1																																																
258	Trường MG Hra số 2	Xã Hra	17	12	1	1	1																																																
259	Trường MG Kon Chiêng	Xã Kon Chiêng	28	13	1	1	1																																																
260	Trường MG Đăk Trôi	Xã Kon Chiêng	15	8	1	1	1																																																
265	Trường MG Ia Yeng	Xã Phú Thiện	26	20	1	1	1																																																
266	Trường MG Hoa Pơ Lang	Xã Phú Thiện	22	17	1	1	1																																																
267	Trường MG Họa Mi	Xã Ia Hiao	24	16	1	1	1																																																
271	Trường MG Hoa Mai	Xã Chư A Thai	18	12	1	1	1																																																
272	Trường MN Tuổi Thơ	Xã Chư A Thai	23	19	1	1	1																																																
II	**TRƯỜNG TIỂU HỌC**		**11024**	**9738**	**63**	**58**		**58**	**45**	**2**	**2**	**3**	**2**	**5**																																				**5**	**3**			**2**
14	Trường TH số 2 Đập Đá	Phường An Nhơn	51	43	2	1		1	1																																									1				1
26	Trường TH Nhơn Tân	Xã An Nhơn Tây	42	31	1	1		1	1																																													
29	Trường TH số 3 Hoài Hương	Phường Hoài Nhơn Đông	38	36	1	1		1	1																																													
33	Trường TH số 2 Hoài Thanh	Phường Hoài Nhơn	35	34	1	1		1	1																																													
43	Trường TH Cát Hải	Xã Cát Tiến	39	35	1	1		1						1																																								
51	Trường TH số 2 Cát Tân	Xã Phù Cát	35	29	1	1		1	1																																													
54	Trường TH số 1 Cát Tường	Xã Xuân An	45	39	1	1		1	1																																													
62	Trường TH Cát Hiệp	Xã Hòa Hội	38	32	1	1		1	1																																													
64	Trường TH Cát Lâm	Xã Hội Sơn	42	36	1	1		1	1																																													
116	Trường TH Bình Thuận	Xã Bình Hiệp	41	35	1	1		1		1																																												
131	Trường TH Canh Hòa	Xã Vân Canh	24	22	1																																													1				1
134	Trường TH Canh Liên	Xã Canh Liên	28	22	2	2		2	2																																													
139	Trường TH Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	45	38	1	1		1	1																																													
155	Trường TH Trần Phú	Phường Cửu An	30	28	1	1		1	1																																													
156	Trường TH Nay Der	Phường Ayun Pa	48	45	1	1		1	1																																													
163	Trường TH Ia Nhin	Xã Ia Phí	37	33	1																																													1	1			
164	Trường TH Ia Ka	Xã Ia Phí	42	34	1	1		1	1																																													
168	Trường TH Hà Tây	Xã Ia Khươl	40	33	1	1		1	1																																													
177	Trường TH Phạm Hồng Thái	Xã Ia Lâu	47	41	1	1		1	1																																													
178	Trường TH Hoàng Hoa Thám	Xã Ia Lâu	66	43	1	1		1						1																																								
180	Trường TH Lý Thường Kiệt	Xã Ia Pia	42	34	1	1		1			1																																											
182	Trường TH Nguyễn Du	Xã Ia Tôr	48	44	1	1		1				1																																										
183	Trường TH Ngô Mây	Xã Ia Tôr	38	30	1	1		1						1																																								
185	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	Xã Chư Pưh	41	34	1	1		1	1																																													
188	Trường TH Phan Chu Trinh	Xã Ia Le	40	35	1	1		1	1																																													
189	Trường TH Nguyễn Văn Cừ	Xã Ia Le	43	34	1	1		1	1																																													
190	Trường TH Kim Đồng	Xã Ia Le	52	43	1	1		1	1																																													
191	Trường TH Hùng Vương	Xã Ia Hrú	34	28	2	2		2	2																																													
194	Trường TH Trần Quốc Toản	Xã Ia Hrú	39	34	1	1		1	1																																													
201	Trường TH Phan Đình Phùng	Xã Bờ Ngoong	32	24	1	1		1					1																																									
202	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ia Ko	42	26	1	1		1			1																																											
205	Trường PTDTBT TH Lê Lợi	Xã Al Bá	33	23	1	1		1	1																																													
211	Trường TH số 2 Glar	Xã Đak Đoa	20	14	1	1		1	1																																													
215	Trường TH Ia Pết	Xã Ia Băng	52	44	1																																													1	1			
216	Trường TH số 1 Ia Băng	Xã Ia Băng	56	45	1	1		1	1																																													
222	Trường TH Đak Sơmei	Xã Đăk Sơmei	50	40	1	1		1	1																																													
223	Trường PTDTBT TH Hà Đông	Xã Đăk Sơmei	42	25	2	2		2	2																																													
234	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	Xã Ia Dơk	26	22	1	1		1				1																																										
235	Trường TH Võ Văn Kiệt	Xã Ia Dơk	25	19	1	1		1	1																																													
260	Trường PTDTBT TH Lê Văn Tám	Xã Krong	31	28	1	1		1		1																																												
271	Trường TH Lý Thường Kiệt	Xã Uar	35	30	1	1		1	1																																													

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
						Giáo viên																																													Nhân viên				
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																	Tổng số NV	Văn thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học					
272	Trường TH Nay Der	Xã Uar	46	39	1	1		1	1																																														
273	Trường TH Trần Quốc Tuấn	Xã Uar	55	45	4	3		3	3																																									1	1			
279	Trường TH số 1 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	41	31	2	2		2	1				1																																										
280	Trường TH số 2 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	44	35	1	1		1	1																																														
281	Trường TH số 3 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	37	25	1	1		1						1																																									
283	Trường TH Ayun số 2	Xã Ayun	34	27	2	2		2	1			1																																											
286	Trường TH Kon Chiêng số 1	Xã Kon Chiêng	33	20	1	1		1	1																																														
287	Trường TH Kon Chiêng số 2	Xã Kon Chiêng	27	15	1	1		1	1																																														
290	Trường TH Chu Văn An	Xã Phú Thiện	53	45	1	1		1	1																																														
296	Trường TH Trần Phú	Xã Ia Hiao	43	34	2	2		2	2																																														
298	Trường TH Kpă Klơng	Xã Ia Hiao	29	24	2	2		2	1					1																																									
	TRƯỜNG TH&THCS		2682	2246	19	18		16	10	2		1		3	2						1		1																											1			1	
13	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	Phường Ayun Pa	38	30	1																																													1			1	
22	Trường TH&THCS Phan Bội Châu	Xã Ia Tôr	52	35	1	1		1		1																																													
25	Trường THCS Kpă Klơng	Xã Chư Pưh	48	38	1	1		1	1																																														
27	Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám	Xã Bờ Ngoong	58	32	2	2		1						1	1						1																																	
28	Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng	Xã Bờ Ngoong	41	26	1	1		1	1																																														
29	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	Xã Al Bá	75	50	2	2		1						1	1								1																																
30	Trường TH& THCS Nay Der	Xã KDang	44	33	5	5		5	3	1				1																																									
36	Trường TH&THCS Quang Trung	Xã Ia Tul	36	33	1	1		1				1																																											
47	Trường PTDTBT TH&THCS Kon Pne	Xã Đak Rong	21	16	1	1		1	1																																														
50	Trường PTDTBT TH&THCS Yang Nam	Xã Kong Chro	67	54	1	1		1	1																																														
58	Trường PTDTBT TH&THCS SRó	Xã SRó	57	43	1	1		1	1																																														
66	Trường TH&THCS Phạm Hồng Thái	Xã Mang Yang	43	31	2	2		2	2																																														
III	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ		7996	7123	35	34									34	5			2	1	5	1	1	1	5	2	2	2	2	2		1	2																	1	1			
9	Trường THCS Bùi Thị Xuân	Phường Quy Nhơn Tây	52	43	2	2									2					1				1																															
16	Trường THCS Bình Định	Phường Bình Định	81	70	1	1									1								1																																
34	Trường THCS Hoài Hải	Phường Hoài Nhơn Đông	34	27	1	1									1							1																																	
37	Trường THCS Hoài Xuân	Phường Hoài Nhơn Nam	30	27	1	1									1																	1																							
49	Trường THCS Cát Tân	Xã Phù Cát	50	48	1	1									1																		1																						
58	Trường THCS Mỹ An	Xã Phù Mỹ Đông	37	33	1	1									1												1																												
60	Trường THCS Mỹ Thọ	Xã Phù Mỹ Đông	55	50	1	1									1						1																																		
61	Trường THCS Phù Mỹ	Xã Phù Mỹ	60	53	1	1									1																		1																						
69	Trường THCS Phước Thành	Xã Tuy Phước Tây	48	40	1	1									1												1																												
79	Trường THCS Tây Thuận	Xã Bình Khê	27	21	1	1									1													1																											
80	Trường THCS Tây Giang	Xã Bình Khê	49	41	1	1									1											1																													
92	Trường PTDTBT THCS Canh Thuận	Xã Vân Canh	25	22	1	1									1															1																									
100	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Phường Diên Hồng	35	30	1	1									1	1																																							
109	Trường PTDTNT THCS AyunPa	Phường Ayun Pa	17	15	1	1									1														1																										
115	Trường THCS Ia Nhin	Xã Ia Phí	26	23	1	1									1										1																														
123	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xã Bàu Cạn	27	24	1	1									1										1																														
126	Trường THCS Lê Đình Chinh	Xã Ia Lâu	36	26	1	1									1															1																									
127	Trường THCS Lê Văn Tám	Xã Ia Lâu	39	19	1	1									1				1																																				
128	Trường THCS Ngô Quyền	Xã Ia Pia	26	18	1	1									1														1																										
130	Trường THCS Kpă Klơng	Xã Ia Pia	22	13	1	1									1										1																														
136	Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Ia Hrú	31	27	1	1									1										1																														
143	Trường THCS Lê Duẩn	Xã Bờ Ngoong	31	24	1	1									1	1																																							
145	Trường THCS Kpă Klơng	Xã Ia Ko	26	14	1	1									1													1																											
148	Trường THCS Võ Thị Sáu	Xã Đak Đoa	79	68	1	1									1											1																													
154	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Xã Ia Băng	42	31	1	1									1						1																																		
159	Trường PTDTBT THCS Trần Kiên	Xã Đăk Sơmei	30	16	1	1									1	1																																							
196	Trường PTDTBT THCS Ia Rsai	Xã Ia Rsai	28	23	1	1									1	1																																							
201	Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Uar	23	16	1	1									1	1																																							
202	Trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Ia Dreh	19	15	1	1									1										1																														
205	Trường PTDTBT THCS số 1 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	30	24	1	1									1						1																																		
206	Trường PTDTBT THCS số 2 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	26	12	1	1									1				1																																				
208	Trường THCS Hra	Xã Hra	39	29	1	1									1						1																																		

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																													Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
209	Trường PTDTBT THCS Kon Chiêng	Xã Kon Chiêng	35	25	**1**	**1**									**1**						1																																		
215	Trường THCS Quang Trung	Xã Chư A Thai	20	16	**1**																																														**1**	1			
I	**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**		**3442**	**3127**	**20**	**15**																												**15**	**3**	**1**	**1**	**1**	**3**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**						**5**	**2**		**2**	**1**
28	Trường THPT Hà Huy Tập (xã Kong Chro)	SGDĐT	60	50	**2**	**1**																												1						1											**1**			1	
30	Trường THCS và THPT Kpă Klơng (xã Lơ Pang)	SGDĐT	55	34	**4**	**3**																												3	1	1					1										**1**	1			
31	Trường THPT số 2 Nguyễn Trường Tộ (xã Ia Nan)	SGDĐT	46	37	**1**	**1**																												1					1																
32	Trường THPT Lê Hoàn (xã Đức Cơ)	SGDĐT	77	67	**1**	**1**																												1					1																
34	Trường THCS và THPT Nguyễn Văn Cừ (xã Bờ Ngoong)	SGDĐT	53	42	**2**	**2**																												2	1								1												
44	Trường THPT số 2 Nguyễn Du (xã Uar)	SGDĐT	45	41	**1**																																														**1**			1	
51	Trường THPT A Sanh (xã Ia Krái)	SGDĐT	68	33	**4**	**4**																												4				1	1			1			1										
52	Trường THPT Trần Phú (xã Bàu Cạn)	SGDĐT	45	31	**1**																																														**1**				1
54	Trường THPT Pleime (xã Ia Pia)	SGDĐT	52	35	**4**	**3**																												3	1		1							1							**1**	1			

Phụ lục 2 (Chỉ tiêu tuyển dụng chung)

NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH GIA LAI NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 3451/KH-SGDĐT ngày 19 /12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Tổng cộng	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025 – Giáo viên		Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																	Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
	Tổng cộng		**31555**	**27307**	**3655**	**3251**	**1049**	**1128**	**752**	**23**	**29**	**103**	**146**	**74**	**840**	**122**	**44**	**43**	**24**	**17**	**107**	**52**	**57**	**27**	**84**	**69**	**46**	**29**	**34**	**19**	**8**	**7**	**51**	**234**	**31**	**9**	**10**	**3**	**37**	**27**	**15**	**23**	**17**	**11**	**19**	**1**	**1**	**7**	**5**	**18**	**404**	**220**	**138**	**23**	**23**
I	TRƯỜNG MẦM NON		6411	5073	1170	1049	1049																																												121	71	50		
1	Trường MN Hải Cảng	Phường Quy Nhơn	11	10	1	1	1																																																
2	Trường MN Hương Sen	Phường Quy Nhơn	27	26	1	1	1																																																
3	Trường MN 8/3	Phường Quy Nhơn	23	22	1	1	1																																																
4	Trường MN Hoa Sen	Phường Quy Nhơn	32	31	1																																														1	1			
5	Trường MN Nhơn Lý	Phường Quy Nhơn Đông	25	22	3	3	3																																																
6	Trường MN Nhơn Hội	Phường Quy Nhơn Đông	18	17	1	1	1																																																
7	Trường MN Nhơn Hải	Phường Quy Nhơn Đông	18	14	4	4	4																																																
8	Trường MN Phước Mỹ	Phường Quy Nhơn Tây	14	13	1																																														1		1		
9	Trường MN 2/9	Phường Quy Nhơn Nam	37	36	1	1	1																																																
10	Trường MN Nhơn Châu	Phường Quy Nhơn Bắc	6	5	1	1	1																																																
11	Trường MN Nhơn Khánh	Phường Bình Định	28	21	4	3	3																																												1	1			
12	Trường MN Nhơn Phúc	Phường Bình Định	27	21	4	3	3																																												1	1			
13	Trường MN Đập Đá	Phường An Nhơn	35	25	8	7	7																																												1	1			
14	Trường MG Nhơn Mỹ	Phường An Nhơn	28	19	8	8	8																																																
15	Trường MN Nhơn Hòa	Phường An Nhơn Nam	32	29	3	2	2																																												1	1			
16	Trường MN Nhơn Thọ	Phường An Nhơn Nam	30	27	3	2	2																																												1	1			
17	Trường MN Nhơn Phong	Phường An Nhơn Bắc	26	19	6	6	6																																																
18	Trường MG Nhơn Hạnh	Phường An Nhơn Bắc	26	20	5	5	5																																																
19	Trường MG Nhơn Thành	Phường An Nhơn Bắc	34	31	2	2	2																																																
20	Trường MN Nhơn An	Phường An Nhơn Đông	27	24	2	2	2																																																
21	Trường MN Nhơn Hưng	Phường An Nhơn Đông	26	24	2	2	2																																																
22	Trường MN Nhơn Lộc	Xã An Nhơn Tây	32	30	2	1	1																																												1	1			
23	Trường MN Nhơn Tân	Xã An Nhơn Tây	28	24	4	3	3																																												1	1			
24	Trường MN Bồng Sơn	Phường Bồng Sơn	31	28	3	2	2																																												1	1			
25	Trường MN Hoài Đức	Phường Bồng Sơn	29	27	1																																														1		1		
26	Trường MN Hoài Xuân	Phường Hoài Nhơn Nam	26	25	1	1	1																																																
27	Trường MN Hoài Thanh	Phường Hoài Nhơn	26	24	2	2	2																																																
28	Trường MN Hoài Châu	Phường Tam Quan	24	23	1																																														1		1		
29	Trường MN Tam Quan	Phường Tam Quan	32	31	1	1	1																																																
30	Trường MN Hoài Sơn	Phường Hoài Nhơn Bắc	30	29	1																																														1	1			
31	Trường MN Cát Tiến	Xã Cát Tiến	43	28	7	6	6																																												1	1			
32	Trường MN Cát Hải	Xã Cát Tiến	24	13	9	8	8																																												1	1			
33	Trường MG Cát Thành	Xã Cát Tiến	27	14	10	9	9																																												1	1			
34	Trường MN Cát Tài	Xã Đề Gi	27	23	1	1	1																																																
35	Trường MG Cát Khánh	Xã Đề Gi	46	37	9	9	9																																																
36	Trường MN 19/5	Xã Phù Cát	27	24	3	2	2																																												1	1			
37	Trường MN Ngô Mây	Xã Phù Cát	24	23	1																																														1	1			
38	Trường MN Cát Trinh	Xã Phù Cát	31	23	7	6	6																																												1	1			
39	Trường MN Cát Tân	Xã Phù Cát	31	26	5	4	4																																												1	1			
40	Trường MG Cát Tường	Xã Xuân An	31	23	7	6	6																																												1	1			
41	Trường MG Cát Nhơn	Xã Xuân An	27	16	10	9	9																																												1	1			
42	Trường MG Cát Hưng	Xã Ngô Mây	22	15	7	7	7																																																
43	Trường MG Cát Thắng	Xã Ngô Mây	22	9	9	9	9																																																
44	Trường MG Cát Chánh	Xã Ngô Mây	20	12	8	7	7																																												1	1			
45	Trường MG Cát Hanh	Xã Hòa Hội	24	19	4	3	3																																												1	1			
46	Trường MG Mỹ An	Xã Phù Mỹ Đông	28	21	7	7	7																																																
47	Trường MG Mỹ Thắng	Xã Phù Mỹ Đông	27	22	4	4	4																																																
48	Trường MG Mỹ Thọ	Xã Phù Mỹ Đông	33	23	10	10	10																																																
49	Trường MN Mỹ Chánh Tây	Xã Phù Mỹ	15	11	4	3	3																																												1	1			
50	Trường MN Phù Mỹ	Xã Phù Mỹ	28	27	1	1	1																																																
51	Trường MN Mỹ Trinh	Xã Phù Mỹ Tây	20	12	6	5	5																																												1	1			
52	Trường MN Mỹ Hòa	Xã Phù Mỹ Tây	20	16	3	2	2																																												1	1			
53	Trường MN Mỹ Hiệp	Xã Phù Mỹ Nam	30	25	5	4	4																																												1	1			
54	Trường MG Mỹ Tài	Xã Phù Mỹ Nam	20	12	8	7	7																																												1	1			

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																												Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
55	Trường MN Mỹ Chánh	Xã An Lương	30	20	9	8	8																																												1	1			
56	Trường MG Mỹ Cát	Xã An Lương	17	16	1																																														1	1			
57	Trường MG Mỹ Thành	Xã An Lương	32	25	6	5	5																																												1	1			
58	Trường MN Bình Dương	Xã Bình Dương	26	23	3	2	2																																												1	1			
59	Trường MG Mỹ Lợi	Xã Bình Dương	17	13	4	3	3																																												1	1			
60	Trường MN Mỹ Phong	Xã Bình Dương	19	15	2	1	1																																												1	1			
61	Trường MN Mỹ Châu	Xã Phù Mỹ Bắc	27	24	3	2	2																																												1	1			
62	Trường MN Mỹ Lộc	Xã Phù Mỹ Bắc	20	17	3	2	2																																												1	1			
63	Trường MG Mỹ Đức	Xã Phù Mỹ Bắc	26	24	2	2	2																																																
64	Trường MN Phước An	Xã Tuy Phước Tây	32	28	4	3	3																																												1	1			
65	Trường MN Phước Thành	Xã Tuy Phước Tây	24	22	1																																														1	1			
66	Trường MN Diêu Trì	Xã Tuy Phước	24	17	5	4	4																																												1	1			
67	Trường MN Tuy Phước	Xã Tuy Phước	42	30	8	7	7																																												1	1			
68	Trường MN Phước Lộc	Xã Tuy Phước	30	24	6	5	5																																												1	1			
69	Trường MN Phước Nghĩa	Xã Tuy Phước	17	14	1	1	1																																																
70	Trường MN Phước Thuận	Xã Tuy Phước	36	25	11	10	10																																												1	1			
71	Trường MN Phước Hiệp	Xã Tuy Phước Bắc	28	26	1																																														1	1			
72	Trường MN Phước Quang	Xã Tuy Phước Bắc	27	26	1	1	1																																																
73	Trường MN Phước Hưng	Xã Tuy Phước Bắc	32	31	1	1	1																																																
74	Trường MN Phước Sơn	Xã Tuy Phước Đông	46	37	8	7	7																																												1	1			
75	Trường MN Phước Hòa	Xã Tuy Phước Đông	36	30	6	5	5																																												1	1			
76	Trường MN Phước Thắng	Xã Tuy Phước Đông	30	24	6	5	5																																												1	1			
77	Trường MN Phú Phong	Xã Tây Sơn	44	40	2	2	2																																																
78	Trường MN Hướng Dương	Xã Tây Sơn	22	21	1	1	1																																																
79	Trường MN Tây Xuân	Xã Tây Sơn	22	19	2	1	1																																												1		1		
80	Trường MN Bình Nghi	Xã Tây Sơn	27	25	2	2	2																																																
81	Trường MN Tây An	Xã Bình Hiệp	16	15	1																																														1		1		
82	Trường MN Bình Thuận	Xã Bình Hiệp	23	22	1	1	1																																																
83	Trường MN Tây Bình	Xã Bình An	20	18	2	2	2																																																
84	Trường MN Bình Thành	Xã Bình An	23	22	1	1	1																																																
85	Trường MN Ân Đức	Xã Hoài Ân	26	25	1	1	1																																																
86	Trường MN Ân Tường Đông	Xã Hoài Ân	20	19	1																																														1		1		
87	Trường MN Ân Hữu	Phường Ân Tường	22	21	1	1	1																																																
88	Trường MG Vùng Cao	Xã Kim Sơn	19	11	2	2	2																																																
89	Trường MN Ân Nghĩa	Xã Kim Sơn	31	28	3	3	3																																																
90	Trường MN Ân Hảo Tây	Xã Ân Hảo	16	15	1	1	1																																																
91	Trường MG Canh Liên	Xã Canh Liên	15	12	3	3	3																																																
92	Trường MN Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Thịnh	16	15	1	1	1																																																
93	Trường MG Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Sơn	12	11	1																																														1		1		
94	Trường MN Tuổi Thần Tiên	Phường Diên Hồng	13	12	1	1	1																																																
95	Trường MN Sao Mai	Phường Diên Hồng	31	27	4	3	3																																												1		1		
96	Trường MN Hoa Cúc	Phường Diên Hồng	13	11	2	1	1																																												1		1		
97	Trường MN Thủy Tiên	Phường Thống Nhất	23	22	1																																														1		1		
98	Trường MN Hoa Anh Đào	Xã Biển Hồ	24	20	4	3	3																																												1		1		
99	Trường MN Hương Sen	Xã Biển Hồ	18	14	3	3	3																																																
100	Trường MN Chư Đăng Ya	Xã Biển Hồ	18	16	2	2	2																																																
101	Trường MN Hà Bầu	Xã Biển Hồ	28	23	4	4	4																																																
102	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Gào	22	16	6	6	6																																																
103	Trường MG 26/3	Xã Gào	18	15	3	3	3																																																
104	Trường MN Tuổi Hoa	Xã Gào	19	14	5	4	4																																												1		1		
105	Trường MN Họa Mi	Phường An Khê	22	21	1	1	1																																																
106	Trường MN Sao Mai	Phường An Khê	16	15	1	1	1																																																
107	Trường MN Hoa Mai	Phường Cửu An	13	11	1	1	1																																																
108	Trường MN Hoa Sen	Phường Cửu An	19	18																																																			
109	Trường MN Sao Mai	Phường Ayun Pa	15	12	3	3	3																																																
110	Trường MN Họa Mi	Phường Ayun Pa	20	17	3	3	3																																																
111	Trường MN Hoa Hồng	Phường Ayun Pa	15	11	4	4	4																																																
112	Trường MN Hoa Sen	Phường Ayun Pa	25	20	4	4	4																																																
113	Trường MG Tuổi Thơ	Xã Ia Rbol	16	14	1	1	1																																																
114	Trường MG Hoa Phượng	Xã Ia Sao	12	10	2	2	2																																																
115	Trường MG Sơn Ca	Xã Ia Sao	15	13	2	2	2																																																

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																													Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
116	Trường MN Nghĩa Hòa	Xã Chư Păh	12	9	2	1	1																																												1		1		
117	Trường MN Phú Hòa	Xã Chư Păh	12	11	1	1	1																																																
118	Trường MN Hòa Phú	Xã Chư Păh	24	20	3	3	3																																																
119	Trường MN Ia Phí	Xã Ia Phí	25	20	5	4	4																																												1		1		
120	Trường MN Ia Nhin	Xã Ia Phí	21	18	3	2	2																																												1		1		
121	Trường MN Ia Ka	Xã Ia Phí	26	23	3	3	3																																																
122	Trường MN Ia Ly	Xã Ia Ly	24	17	7	6	6																																												1		1		
123	Trường MN Ia Mơ Nông	Xã Ia Ly	13	10	3	3	3																																																
124	Trường MN Ia Khươl	Xã Ia Khươl	26	21	4	4	4																																																
125	Trường MN Đăk Tơ Ver	Xã Ia Khươl	16	14	2	2	2																																																
126	Trường MN Hà Tây	Xã Ia Khươl	23	13	9	9	9																																																
127	Trường MG Hoa Sữa	Xã Chư Prông	15	12	2	2	2																																																
128	Trường MG Hương Trà	Xã Bàu Cạn	20	16	4	3	3																																												1	1			
129	Trường MG Hoa Hồng	Xã Bàu Cạn	19	13	6	5	5																																												1	1			
130	Trường MG Hòa Bình	Xã Bàu Cạn	18	14	4	2	2																																												2	1	1		
131	Trường MG Măng Non	Xã Ia Boòng	22	17	5	5	5																																																
132	Trường MG Vành Khuyên	Xã Ia Boòng	21	15	5	5	5																																																
133	Trường MG Hoa Phượng	Xã Ia Boòng	14	12	1	1	1																																																
134	Trường MG Tân Tiến	Xã Ia Lâu	25	16	8	7	7																																												1		1		
135	Trường MG Bình Minh	Xã Ia Lâu	26	13	13	11	11																																												2	1	1		
136	Trường MG Tuổi Thơ	Xã Ia Pia	20	13	6	6	6																																																
137	Trường MN Họa Mi	Xã Ia Pia	23	16	6	6	6																																																
138	Trường MN Tuổi Ngọc	Xã Ia Pia	19	13	5	5	5																																																
139	Trường MG 19-5	Xã Ia Tôr	17	14	3	3	3																																																
140	Trường MG Âu Cơ	Xã Ia Tôr	18	14	4	4	4																																																
141	Trường MG Sao Mai	Xã Ia Tôr	18	13	4	4	4																																																
142	Trường MN Bông Sen	Xã Ia Púch	15	14	1	1	1																																																
143	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Ia Mơ	12	7	5	5	5																																																
144	Trường MN Họa Mi	Xã Chư Pưh	27	15	9	9	9																																																
145	Trường MN Bằng Lăng	Xã Chư Pưh	27	18	7	6	6																																												1		1		
146	Trường MN Sơn Ca	Xã Chư Pưh	19	13	6	6	6																																																
147	Trường MN 1/6	Xã Ia Le	29	19	9	8	8																																												1		1		
148	Trường MN Hoa Sen	Xã Ia Le	15	7	7	7	7																																																
149	Trường MN Hoa Mai	Xã Ia Hrú	24	19	5	5	5																																																
150	Trường MN Vành Khuyên	Xã Ia Hrú	25	15	9	8	8																																												1		1		
151	Trường MN Bình Minh	Xã Ia Hrú	23	15	7	7	7																																																
152	Trường MN Hoa Phượng	Xã Ia Hrú	27	15	11	11	11																																																
153	Trường MN Sơn Ca	Xã Chư Sê	15	11	3	3	3																																																
154	Trường MN Hướng Dương	Xã Chư Sê	23	18	3	3	3																																																
155	Trường MN 20/10	Xã Chư Sê	17	9	5	5	5																																																
156	Trường MN Bằng Lăng	Xã Chư Sê	15	12	2	2	2																																																
157	Trường MN Hoa Hồng	Xã Chư Sê	27	22	4	3	3																																												1		1		
158	Trường MN 19/5	Xã Bờ Ngoong	26	20	6	6	6																																																
159	Trường MN 3/2	Xã Bờ Ngoong	18	10	7	7	7																																																
160	Trường MN 30/4	Xã Bờ Ngoong	26	15	10	9	9																																												1		1		
161	Trường MN Hoa Lan	Xã Bờ Ngoong	17	14	3	3	3																																																
162	Trường MG Măng Non	Xã Ia Ko	20	12	7	7	7																																																
163	Trường MG 17/3	Xã Ia Ko	20	14	5	5	5																																																
164	Trường MN 2/9	Xã Ia Ko	21	16	5	5	5																																																
165	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Al Bá	23	16	6	6	6																																																
166	Trường MN 1/6	Xã Al Bá	22	12	9	9	9																																																
167	Trường MG Hoa Huệ	Xã Al Bá	19	11	7	7	7																																																
168	Trường MN Đak Đoa	Xã Đak Đoa	29	24	4	4	4																																																
169	Trường MN Tân Bình	Xã Đak Đoa	14	11	3	3	3																																																
170	Trường MN Glar	Xã Đak Đoa	26	19	7	7	7																																																
171	Trường MN Đak Krong	Xã Kon Gang	20	16	4	4	4																																																
172	Trường MN Hneng	Xã Kon Gang	22	17	5	3	3																																												2	1	1		
173	Trường MN Ia Pết	Xã Ia Băng	28	17	10	9	9																																												1	1			
174	Trường MN Ia Băng	Xã Ia Băng	37	25	11	10	10																																												1	1			
175	Trường MN Adơk	Xã Ia Băng	24	21	3	2	2																																												1	1			
176	Trường MN KDang	Xã KDang	22	18	4	4	4																																																

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																	
						Giáo viên																																												Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																		Giáo viên Trung học phổ thông																				
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
177	Trường MN Hnol	Xã KDang	19	12	7	7	7																																															
178	Trường MN Hòa Bình	Xã KDang	19	13	6	6	6																																															
179	Trường MN Đak Sơmei	Xã Đăk Sơmei	31	24	7	5	5																																											2	1	1		
180	Trường MN Hà Đông	Xã Đăk Sơmei	29	19	8	8	8																																															
181	Trường MN Họa Mi	Xã Đức Cơ	31	29	2	2	2																																															
182	Trường MN Hải Âu	Xã Ia Krêl	19	13	6	5	5																																											1		1		
183	Trường MN Hoa Sen	Xã Ia Krêl	21	13	7	6	6																																											1		1		
184	Trường MN Tuổi Thơ	Xã Ia Krêl	27	17	9	8	8																																											1	1			
185	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Ia Dom	28	26	2	1	1																																											1		1		
186	Trường MN 17/3	Xã Ia Dok	32	24	8	8	8																																															
187	Trường MN Hoa Cúc	Xã Ia Nan	23	18	5	5	5																																															
188	Trường MN 17/3	Xã Ia Grai	31	29	2	1	1																																											1	1			
189	Trường MG 15/5	Xã Ia Grai	27	26	1																																													1	1			
190	Trường MG 7/5	Xã Ia Grai	14	13	1	1	1																																															
191	Trường MN 1/5	Xã Ia Hrung	26	25	1																																													1	1			
192	Trường MN 3/2	Xã Ia Hrung	30	27	1																																													1	1			
193	Trường MG 1/6	Xã Ia Hrung	26	23	2	1	1																																											1	1			
194	Trường MG 30/4	Xã Ia Hrung	36	35	1																																													1		1		
195	Trường MG 10/3	Xã Ia Krái	12	10	2	2	2																																															
196	Trường MG 20/10	Xã Ia Krái	30	24	5	4	4																																											1	1			
197	Trường MN 19/8	Xã Ia Krái	44	37	6	6	6																																															
198	Trường MG 8/3	Xã Ia Chia	18	15	3	2	2																																											1	1			
199	Trường MG 2/9	Xã Ia O	18	16	1	1	1																																															
200	Trường MN Tuổi Thơ	Xã Ia Pa	34	32	2	2	2																																															
201	Trường MG Sao Mai	Xã Ia Pa	31	27	4	4	4																																															
202	Trường MG 1-6	Xã Ia Pa	23	17	6	6	6																																															
203	Trường MG Măng Non	Xã Ia Tul	18	17	1																																													1		1		
204	Trường MG Họa My	Xã Ia Tul	15	14	1	1	1																																															
205	Trường MN Vành Khuyên	Xã Ia Tul	22	19	3	2	2																																											1		1		
206	Trường MG Hoa Hồng	Xã Ia Tul	15	14	1	1	1																																															
207	Trường MG Sơn Ca	Xã Pờ Tó	39	34	5	4	4																																											1		1		
208	Trường MG Hoa Pơ Lang	Xã Pờ Tó	23	16	7	6	6																																											1		1		
209	Trường MN 1-5	Xã Kbang	27	23	1	1	1																																															
210	Trường MG Lơ Ku	Xã Kbang	20	18	2	1	1																																											1		1		
211	Trường MG Kông Lơng Khơng	Xã Tơ Tung	24	23	1	1	1																																															
212	Trường MG Tơ Tung	Xã Tơ Tung	28	26	2	2	2																																															
213	Trường MG Sơn Lang	Xã Sơn Lang	26	19	6	6	6																																															
214	Trường MG Sơ Pai	Xã Sơn Lang	27	21	6	5	5																																											1		1		
215	Trường MG Đak Rong	Xã Đak Rong	42	23	17	17	17																																															
216	Trường MG Krong	Xã Krong	30	20	8	6	6																																											2	1	1		
217	Trường MG Họa Mi	Xã Krong	13	10	1																																													1	1			
218	Trường MN 1/6	Xã Kong Chro	15	10	5	5	5																																															
219	Trường MN Sao Mai	Xã Kong Chro	41	31	6	6	6																																															
220	Trường MN 17/3	Xã Kong Chro	24	17	6	6	6																																															
221	Trường MN Hướng Dương	Xã Chơ Long	14	12	2	2	2																																															
222	Trường MN 30/4	Xã Chơ Long	18	15	3	3	3																																															
223	Trường MN Phong Lan	Xã Đăk Song	13	7	6	5	5																																											1		1		
224	Trường MN Hòa Bình	Xã Đăk Song	14	9	5	4	4																																											1		1		
225	Trường MN An Trung	Xã Chư Krey	27	23	3	3	3																																															
226	Trường MN Sơn Ca	Xã Chư Krey	19	16	3	3	3																																															
227	Trường MN 19-5	Xã SRó	18	15	2	2	2																																															
228	Trường MN Hoa Mai	Xã SRó	19	14	4	4	4																																															
229	Trường MN Bông Sen	Xã Ya Ma	18	16	2	2	2																																															
230	Trường MN Họa Mi	Xã Ya Ma	13	11	2	1	1																																											1		1		
231	Trường MN Hoa Hồng	Xã Ya Ma	17	16	1	1	1																																															
232	Trường MN Họa Mi	Xã Phú Túc	24	20	4	4	4																																															
233	Trường MN Hải Âu	Xã Phú Túc	29	19	8	8	8																																															
234	Trường MN Hoa Lan	Xã Phú Túc	23	14	9	8	8																																											1		1		
235	Trường MN Hoa Sen	Xã Phú Túc	23	14	8	7	7																																											1		1		
236	Trường MN Sơn Ca	Xã Phú Túc	28	17	10	9	9																																											1		1		
237	Trường MN Tuổi Thơ	Xã Phú Túc	22	12	8	7	7																																											1		1		

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																													Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
238	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Ia Rsai	30	16	13	12	12																																												1		1		
239	Trường MN Hướng Dương	Xã Ia Rsai	28	22	6	4	4																																												2	1	1		
240	Trường MN Ban Mai	Xã Ia Rsai	33	25	6	5	5																																												1	1			
241	Trường MN Ánh Sao	Xã Uar	29	20	8	8	8																																																
242	Trường MN Bình Minh	Xã Uar	28	18	9	8	8																																												1		1		
243	Trường MN Sao Mai	Xã Uar	35	26	8	7	7																																												1		1		
244	Trường MN Ngôi Sao Nhỏ	Xã Ia Dreh	18	12	6	6	6																																																
245	Trường MN Vành Khuyên	Xã Ia Dreh	20	16	4	3	3																																												1		1		
246	Trường MN Hoa Hồng	Xã Ia Dreh	25	22	2	2	2																																																
247	Trường MN Kon Dơng	Xã Mang Yang	24	21	3	2	2																																												1		1		
248	Trường MG 17/3	Xã Mang Yang	21	19	1	1	1																																																
249	Trường MN Đăk Yă	Xã Mang Yang	21	19	2	2	2																																																
250	Trường MN Hải Yang	Xã Mang Yang	15	10	4	4	4																																																
251	Trường MG Đăk Djrăng	Xã Mang Yang	24	20	2	2	2																																																
252	Trường MN số 1 Lơ pang	Xã Lơ Pang	26	19	6	5	5																																												1	1			
253	Trường MN số 2 Lơ pang	Xã Lơ Pang	24	20	4	3	3																																												1	1			
254	Trường MN số 3 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	23	13	9	8	8																																												1	1			
255	Trường MG Ayun	Xã Ayun	31	23	8	7	7																																												1	1			
256	Trường MG Đak Jơ Ta	Xã Ayun	12	9	3	3	3																																																
257	Trường MG Hra số 1	Xã Hra	28	22	5	5	5																																																
258	Trường MG Hra số 2	Xã Hra	17	12	4	4	4																																																
259	Trường MG Kon Chiêng	Xã Kon Chiêng	28	13	14	14	14																																																
260	Trường MG Đăk Trôi	Xã Kon Chiêng	15	8	6	5	5																																												1	1			
261	Trường MN Hoa Hồng	Xã Phú Thiện	28	23	5	5	5																																																
262	Trường MN Hoa Phong Lan	Xã Phú Thiện	23	20	3	3	3																																																
263	Trường MG Vàng Anh	Xã Phú Thiện	11	9	2	2	2																																																
264	Trường MG Vành Khuyên	Xã Phú Thiện	18	14	3	3	3																																																
265	Trường MG Ia Yeng	Xã Phú Thiện	26	20	5	5	5																																																
266	Trường MG Hoa Pơ Lang	Xã Phú Thiện	22	17	4	4	4																																																
267	Trường MG Họa Mi	Xã Ia Hiao	24	16	7	7	7																																																
268	Trường MG Sơn Ca	Xã Ia Hiao	21	17	4	4	4																																																
269	Trường MG 1/6	Xã Ia Hiao	21	17	4	4	4																																																
270	Trường MG Hoa Sen	Xã Chư A Thai	21	18	3	2	2																																												1	1			
271	Trường MG Hoa Mai	Xã Chư A Thai	18	12	5	5	5																																																
272	Trường MN Tuổi Thơ	Xã Chư A Thai	23	19	3	3	3																																																
II	**TRƯỜNG TIỂU HỌC**		**11024**	**9738**	**1083**	**941**		**941**	**660**	**14**	**21**	**75**	**112**	**58**																																					**142**	**98**	**36**		**8**
1	Trường TH Trần Quốc Tuấn	Phường Quy Nhơn	34	33	1	1		1	1																																														
2	Trường TH Số 1 Nhơn Bình	Phường Quy Nhơn Đông	52	49	3	3		3	1			1	1																																									
3	Trường TH Nhơn Lý	Phường Quy Nhơn Đông	30	27	3	2		2	2																																										1		1		
4	Trường TH Nhơn Hội	Phường Quy Nhơn Đông	28	24	4	3		3	3																																										1		1		
5	Trường TH Âu Cơ	Phường Quy Nhơn Tây	38	35	3	3		3	2				1																																									
6	Trường TH Nhơn Phú	Phường Quy Nhơn Bắc	57	55	2	2		2	2																																														
7	Trường TH Nguyễn Khuyến	Phường Quy Nhơn Bắc	40	39	1																																														1	1			
8	Trường TH Ngô Quyền	Phường Quy Nhơn Bắc	45	44	1	1		1	1																																														
9	Trường TH số 1 Bình Định	Phường Bình Định	53	49	3	3		3	2				1																																									
10	Trường TH số 2 Bình Định	Phường Bình Định	45	41	4	4		4	2	1		1																																										
11	Trường TH Nhơn Khánh	Phường Bình Định	34	33	1	1		1	1																																														
12	Trường TH Nhơn Phúc	Phường Bình Định	39	30	8	6		6	4				1	1																																					2	1	1		
13	Trường TH số 1 Đập Đá	Phường An Nhơn	35	31	2	2		2	2																																														
14	Trường TH số 2 Đập Đá	Phường An Nhơn	51	43	5	5		5	5																																														
15	Trường TH Nhơn Hậu	Phường An Nhơn	51	47	3	3		3	3																																														
16	Trường TH Nhơn Mỹ	Phường An Nhơn	50	42	5	5		5	4					1																																									
17	Trường TH số 1 Nhơn Hòa	Phường An Nhơn Nam	49	45	4	3		3	2					1																																					1				1
18	Trường TH số 2 Nhơn Hòa	Phường An Nhơn Nam	23	18	5	5		5	5																																														
19	Trường TH Nhơn Thọ	Phường An Nhơn Nam	42	39	3	2		2	2																																										1	1			
20	Trường TH số 1 Nhơn Thành	Phường An Nhơn Bắc	47	39	5	5		5	4																																														
21	Trường TH số 2 Nhơn Thành	Phường An Nhơn Bắc	21	19	2	1		1	1																																										1	1			
22	Trường TH Nhơn Phong	Phường An Nhơn Bắc	35	30	3	2		2	2																																										1	1			
23	Trường TH Nhơn Hạnh	Phường An Nhơn Bắc	43	39	2	1		1	1																																										1	1			
24	Trường TH Nhơn An	Phường An Nhơn Đông	35	30	3	2		2	2																																										1		1		
25	Trường TH Nhơn Lộc	Xã An Nhơn Tây	39	32	6	5		5	4			1																																							1	1			

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học: Tổng số GV TH	Giáo viên Tiểu học: Văn hóa	Giáo viên Tiểu học: Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học: Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học: Tin học	Giáo viên Tiểu học: Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học: GDTC	Giáo viên Trung học cơ sở: Tổng số GV THCS	Giáo viên Trung học cơ sở: Toán	Giáo viên Trung học cơ sở: Vật lí	Giáo viên Trung học cơ sở: Hóa học	Giáo viên Trung học cơ sở: Sinh học	Giáo viên Trung học cơ sở: KHTN	Giáo viên Trung học cơ sở: Ngữ văn	Giáo viên Trung học cơ sở: Lịch sử	Giáo viên Trung học cơ sở: Địa lí	Giáo viên Trung học cơ sở: Lịch sử và Địa lí	Giáo viên Trung học cơ sở: Tiếng Anh	Giáo viên Trung học cơ sở: GDCD	Giáo viên Trung học cơ sở: GDTC	Giáo viên Trung học cơ sở: Âm nhạc	Giáo viên Trung học cơ sở: Mỹ thuật	Giáo viên Trung học cơ sở: KTCN	Giáo viên Trung học cơ sở: KTNN	Giáo viên Trung học cơ sở: Công nghệ	Giáo viên Trung học cơ sở: Tin học	Giáo viên Trung học phổ thông: Tổng số GV THPT	Giáo viên Trung học phổ thông: Toán	Giáo viên Trung học phổ thông: Vật lí	Giáo viên Trung học phổ thông: Hóa học	Giáo viên Trung học phổ thông: Sinh học	Giáo viên Trung học phổ thông: Ngữ văn	Giáo viên Trung học phổ thông: Lịch sử	Giáo viên Trung học phổ thông: Địa lí	Giáo viên Trung học phổ thông: Tiếng Anh	Giáo viên Trung học phổ thông: GDKT&PL	Giáo viên Trung học phổ thông: GDTC	Giáo viên Trung học phổ thông: GDQPAN	Giáo viên Trung học phổ thông: Âm nhạc	Giáo viên Trung học phổ thông: Mỹ thuật	Giáo viên Trung học phổ thông: KTCN	Giáo viên Trung học phổ thông: KTNN	Giáo viên Trung học phổ thông: Tin học	Nhân viên: Tổng số NV	Nhân viên: Văn Thư	Nhân viên: Kế toán	Nhân viên: Thiết bị, thí nghiệm	Nhân viên: Thư viện
26	Trường TH Nhơn Tân	Xã An Nhơn Tây	42	31	6	5		5	4				1																																						1	1			
27	Trường TH số 2 Bồng Sơn	Phường Bồng Sơn	52	51	1	1		1	1																																														
28	Trường TH số 1 Hoài Đức	Phường Bồng Sơn	29	27	2	1		1	1																																										1				1
29	Trường TH số 3 Hoài Hương	Phường Hoài Nhơn Đông	38	36	1	1		1	1																																														
30	Trường TH số 1 Hoài Mỹ	Phường Hoài Nhơn Đông	36	34	1	1		1				1																																											
31	Trường TH Hoài Xuân	Phường Hoài Nhơn Nam	35	32	3	3		3	3																																														
32	Trường TH số 1 Hoài Thanh	Phường Hoài Nhơn	28	26	1	1		1	1																																														
33	Trường TH số 2 Hoài Thanh	Phường Hoài Nhơn	35	34																																																			
34	Trường TH số 1 Hoài Thanh Tây	Phường Hoài Nhơn	48	47	1	1		1	1																																														
35	Trường TH số 1 Tam Quan Nam	Phường Hoài Nhơn	36	35	1	1		1		1																																													
36	Trường TH số 2 Tam Quan Nam	Phường Hoài Nhơn	28	27	1																																														1	1			
37	Trường TH Hoài Phú	Phường Hoài Nhơn Tây	37	35	2	2		2	2																																														
38	Trường TH số 1 Tam Quan	Phường Tam Quan	36	35	1	1		1	1																																														
39	Trường TH Hoài Châu	Phường Tam Quan	38	37	1	1		1		1																																													
40	Trường TH số 1 Tam Quan Bắc	Phường Hoài Nhơn Bắc	53	51	2	1		1	1																																										1				1
41	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc	Phường Hoài Nhơn Bắc	42	40	2	2		2	2																																														
42	Trường TH Hoài Châu Bắc	Phường Hoài Nhơn Bắc	40	39	1	1		1	1																																														
43	Trường TH Cát Hải	Xã Cát Tiến	39	35	3	3		3	2					1																																									
44	Trường TH Cát Thành	Xã Cát Tiến	48	45	3	3		3	3																																														
45	Trường TH số 1 Cát Minh	Xã Đề Gi	38	36	2	1		1	1																																										1	1			
46	Trường TH số 2 Cát Minh	Xã Đề Gi	36	34	1																																														1	1			
47	Trường TH số 1 Cát Khánh	Xã Đề Gi	45	44	1	1		1	1																																														
48	Trường TH số 2 Cát Khánh	Xã Đề Gi	36	35	1	1		1	1																																														
49	Trường TH số 1 Ngô Mây	Xã Phù Cát	48	45	1	1		1	1																																														
50	Trường TH số 1 Cát Tân	Xã Phù Cát	39	38	1																																														1	1			
51	Trường TH số 2 Cát Tân	Xã Phù Cát	35	29	5	4		4	4																																										1	1			
52	Trường TH số 1 Cát Trinh	Xã Phù Cát	38	35	2	2		2	2																																														
53	Trường TH số 2 Cát Trinh	Xã Phù Cát	38	35	2	1		1	1																																										1	1			
54	Trường TH số 1 Cát Tường	Xã Xuân An	45	39	5	4		4	4																																										1	1			
55	Trường TH số 2 Cát Tường	Xã Xuân An	35	30	1																																														1	1			
56	Trường TH Cát Nhơn	Xã Xuân An	38	35	3	2		2	2																																										1	1			
57	Trường TH Cát Hưng	Xã Ngô Mây	32	29	3	2		2	2																																										1	1			
58	Trường TH Cát Thắng	Xã Ngô Mây	33	31	2	1		1	1																																										1	1			
59	Trường TH Cát Chánh	Xã Ngô Mây	36	33	2	1		1	1																																										1	1			
60	Trường TH số 1 Cát Hanh	Xã Hòa Hội	39	38	1	1		1	1																																														
61	Trường TH số 2 Cát Hanh	Xã Hòa Hội	23	21	1																																														1	1			
62	Trường TH Cát Hiệp	Xã Hòa Hội	38	32	5	4		4	4																																										1	1			
63	Trường TH Cát Sơn	Xã Hội Sơn	30	29	1																																														1	1			
64	Trường TH Cát Lâm	Xã Hội Sơn	42	36	5	5		5	4					1																																									
65	Trường TH số 1 Mỹ Thắng	Xã Phù Mỹ Đông	39	37	1	1		1	1																																														
66	Trường TH Số 1 Mỹ Thọ	Xã Phù Mỹ Đông	36	33	2	2		2	1		1																																												
67	Trường TH Mỹ Quang	Xã Phù Mỹ	29	28	1																																														1	1			
68	Trường TH Mỹ Chánh Tây	Xã Phù Mỹ	22	21	1																																														1	1			
69	Trường TH số 1 Phù Mỹ	Xã Phù Mỹ	37	36	1																																														1	1			
70	Trường TH số 2 Phù Mỹ	Xã Phù Mỹ	36	32	4	3		3	3																																										1	1			
71	Trường TH Mỹ Hòa	Xã Phù Mỹ Tây	30	28	2	1		1	1																																										1	1			
72	Trường TH Mỹ Trinh	Xã Phù Mỹ Tây	25	24	1																																														1	1			
73	Trường TH số 1 Mỹ Hiệp	Xã Phù Mỹ Nam	25	23	2	1		1			1																																								1	1			
74	Trường TH Mỹ Tài	Xã Phù Mỹ Nam	30	26	4	3		3	3																																										1	1			
75	Trường TH số 2 Mỹ Hiệp	Xã Phù Mỹ Nam	26	22	4	2		2	1					1																																					2	1			1
76	Trường TH Mỹ Cát	Xã An Lương	26	25	1																																														1	1			
77	Trường TH số 1 Mỹ Chánh	Xã An Lương	27	26	1																																														1	1			
78	Trường TH số 2 Mỹ Chánh	Xã An Lương	35	33	2	1		1	1																																										1	1			
79	Trường TH số 1 Mỹ Thành	Xã An Lương	26	24	2	1		1				1																																							1	1			
80	Trường TH số 2 Mỹ Thành	Xã An Lương	42	34	6	5		5	4		1																																								1	1			
81	Trường TH Bình Dương	Xã Bình Dương	40	37	3	2		2	2																																										1	1			
82	Trường TH Mỹ Lợi	Xã Bình Dương	35	32	3	2		2	2																																										1	1			
83	Trường TH Mỹ Phong	Xã Bình Dương	33	31	2	1		1	1																																										1	1			
84	Trường TH Mỹ Đức	Xã Phù Mỹ Bắc	42	41	1	1		1					1																																						1	1			
85	Trường TH số 1 Phước An	Xã Tuy Phước Tây	42	39	2	1		1	1																																										1	1			
86	Trường TH số 2 Phước An	Xã Tuy Phước Tây	48	46	2	2		2	2																																														

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																													Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
87	Trường TH số 1 Phước Thành	Xã Tuy Phước Tây	30	27	2	1		1					1																																						1	1			
88	Trường TH số 2 Phước Thành	Xã Tuy Phước Tây	30	27	2	2		2	2																																														
89	Trường TH số 2 Diêu Trì	Xã Tuy Phước	32	29	2	1		1	1																																										1	1			
90	Trường TH số 1 Tuy Phước	Xã Tuy Phước	48	41	5	4		4	4																																										1	1			
91	Trường TH số 2 Tuy Phước	Xã Tuy Phước	34	33	1																																														1	1			
92	Trường TH số 1 Phước Lộc	Xã Tuy Phước	42	37	2	1		1	1																																										1	1			
93	Trường TH số 2 Phước Lộc	Xã Tuy Phước	32	30	1																																														1	1			
94	Trường TH số 1 Phước Thuận	Xã Tuy Phước	48	46	1	1		1					1																																										
95	Trường TH số 2 Phước Thuận	Xã Tuy Phước	33	31	1																																														1	1			
96	Trường TH số 1 Phước Hiệp	Xã Tuy Phước Bắc	48	46	2	2		2	1			1																																											
97	Trường TH số 2 Phước Hiệp	Xã Tuy Phước Bắc	27	26	1	1		1			1																																												
98	Trường TH số 1 Phước Quang	Xã Tuy Phước Bắc	32	26	4	3		3	2				1																																						1	1			
99	Trường TH số 2 Phước Quang	Xã Tuy Phước Bắc	27	22	2	1		1	1																																										1	1			
100	Trường TH số 1 Phước Hưng	Xã Tuy Phước Bắc	29	25	1																																														1	1			
101	Trường TH số 2 Phước Hưng	Xã Tuy Phước Bắc	29	23	4	2		2	1					1																																					2	1	1		
102	Trường TH số 1 Phước Sơn	Xã Tuy Phước Đông	38	32	4	3		3	3																																										1	1			
103	Trường TH số 2 Phước Sơn	Xã Tuy Phước Đông	43	34	8	7		7	7																																										1	1			
104	Trường TH số 3 Phước Sơn	Xã Tuy Phước Đông	35	29	3	3		3	3																																														
105	Trường TH số 1 Phước Thắng	Xã Tuy Phước Đông	29	25	3	1		1	1																																										2	1	1		
106	Trường TH số 2 Phước Thắng	Xã Tuy Phước Đông	24	21	3	3		3	3																																														
107	Trường TH số 1 Phước Hòa	Xã Tuy Phước Đông	29	27	2	1		1	1																																										1	1			
108	Trường TH số 2 Võ Xán	Xã Tây Sơn	48	46	2	2		2	1			1																																											
109	Trường TH Trần Quang Diệu	Xã Tây Sơn	36	34	1	1		1					1																																										
110	Trường TH Tây Xuân	Xã Tây Sơn	34	31	3	3		3	2					1																																									
111	Trường TH Tây Thuận	Xã Bình Khê	33	32	1	1		1	1																																														
112	Trường TH số 1 Tây Giang	Xã Bình Khê	45	43	2	2		2	2																																														
113	Trường TH số 2 Tây Giang	Xã Bình Khê	27	26	1	1		1	1																																														
114	Trường TH Tây An	Xã Bình Hiệp	27	22	5	4		4	3	1																																									1		1		
115	Trường TH Bình Tân	Xã Bình Hiệp	43	41	2	2		2	2																																														
116	Trường TH Bình Thuận	Xã Bình Hiệp	41	35	5	5		5	4				1																																										
117	Trường TH Tây Bình	Xã Bình An	31	28	2	2		2	2																																														
118	Trường TH Tây Vinh	Xã Bình An	34	25	9	9		9	7		1			1																																									
119	Trường TH Bình Hòa	Xã Bình An	31	29	2	1		1	1																																										1	1			
120	Trường TH Bình Thành	Xã Bình An	38	37	1																																														1		1		
121	Trường TH Ân Phong	Xã Hoài Ân	33	29	4	4		4	3				1																																										
122	Trường TH Tăng Bạt Hổ	Xã Hoài Ân	44	43	1	1		1					1																																										
123	Trường TH Ân Đức	Xã Hoài Ân	43	41	2	2		2	2																																														
124	Trường TH Ân Tường Đông	Xã Hoài Ân	27	23	4	4		4	4																																														
125	Trường TH Ân Tường Tây	Phường Ân Tường	46	43	3	3		3	2				1																																										
126	Trường TH Bok Tới	Xã Kim Sơn	22	21	1	1		1				1																																											
127	Trường TH Ân Nghĩa	Xã Kim Sơn	56	51	4	4		4	2		1	1																																											
128	Trường TH Ân Hảo Tây	Xã Ân Hảo	24	22	2	2		2	1				1																																										
129	Trường TH Ân Hảo Đông	Xã Ân Hảo	35	33	2	2		2	2																																														
130	Trường TH Ân Mỹ	Xã Ân Hảo	31	28	3	2		2	2																																										1	1			
131	Trường TH Canh Hòa	Xã Vân Canh	24	22	1	1		1	1																																														
132	Trường TH Vân Canh	Xã Vân Canh	47	43	3	3		3	3																																														
133	Trường TH Canh Hiệp	Xã Canh Vinh	26	23	3	3		3	3																																														
134	Trường TH Canh Liên	Xã Canh Liên	28	22	4	4		4	3				1																																										
135	Trường TH Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	42	41	1																																														1				1
136	Trường TH Vĩnh Hảo	Xã Vĩnh Thạnh	27	26	1	1		1		1																																													
137	Trường TH Vĩnh Hiệp	Xã Vĩnh Thịnh	31	30	1																																														1	1			
138	Trường TH Vĩnh Thịnh	Xã Vĩnh Thịnh	43	42	1																																														1	1			
139	Trường TH Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	45	38	6	5		5	5																																										1	1			
140	Trường TH An Hưng	Xã An Lão	25	24	1	1		1	1																																														
141	Trường TH An Tân	Xã An Lão	22	18	2	2		2	2																																														
142	Trường TH An Toàn	Xã An Toàn	18	16	2	2		2	1		1																																												
143	Trường TH Lê Quý Đôn	Phường Diên Hồng	63	59	3	2		2				1		1																																					1		1		
144	Trường TH Nguyễn Trãi	Phường Diên Hồng	48	42	5	5		5	5																																														
145	Trường TH Trần Quốc Toản	Phường Diên Hồng	54	49	5	3		3	1				2																																						2	1	1		
146	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	Phường Diên Hồng	33	30	2	2		2	1				1																																										
147	Trường TH Nguyễn Đức Cảnh	Phường Diên Hồng	19	18	1																																														1		1		

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																													Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
148	Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm	Phường Thống Nhất	50	49	1	1		1	1																																														
149	Trường TH Hồ Tùng Mậu	Xã Biển Hồ	28	25	2	2		2	2																																														
150	Trường TH Hà Bầu	Xã Biển Hồ	43	34	6	5		5	2			1	2																																					1		1		
151	Trường TH Nay Der	Xã Gào	33	29	3	3		3	2				1																																									
152	Trường TH Ngô Quyền	Phường An Bình	17	15	1	1		1	1																																														
153	Trường TH Kim Đồng	Phường Cửu An	19	18	1	1		1						1																																									
154	Trường TH Lê Văn Tám	Phường Cửu An	32	30	2	1		1	1																																									1		1		
155	Trường TH Trần Phú	Phường Cửu An	30	28	1	1		1						1																																									
156	Trường TH Nay Der	Phường Ayun Pa	48	45	2	2		2	2																																														
157	Trường TH Võ Thị Sáu	Phường Ayun Pa	50	44	6	6		6	4	1				1																																									
158	Trường TH Chu Văn An	Xã Ia Rbol	25	21	4	4		4	4																																														
159	Trường TH Bùi Thị Xuân	Xã Ia Rbol	33	30	3	3		3	1				1	1																																									
160	Trường TH Nguyễn Trãi	Xã Ia Sao	24	23	1																																													1		1		
161	Trường TH Hòa Phú	Xã Chư Păh	41	36	4	4		4	3				1																																										
162	Trường TH Ia Phí	Xã Ia Phí	39	34	5	4		4	3					1																																				1	1			
163	Trường TH Ia Nhin	Xã Ia Phí	37	33	2	2		2				1		1																																									
164	Trường TH Ia Ka	Xã Ia Phí	42	34	7	6		6	4				1	1																																				1	1			
165	Trường TH Ia Ly	Xã Ia Ly	39	37	2	2		2	1					1																																									
166	Trường TH Ia Khươl	Xã Ia Khươl	44	37	7	7		7	6					1																																									
167	Trường TH Đăk Tơ Ver	Xã Ia Khươl	34	30	4	3		3	2				1																																					1	1			
168	Trường TH Hà Tây	Xã Ia Khươl	40	33	5	5		5	5																																														
169	Trường TH Hùng Vương	Xã Chư Prông	37	36	1	1		1	1																																														
170	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Chư Prông	45	41	2	2		2				1	1																																										
171	Trường TH Phan Chu Trinh	Xã Chư Prông	52	49	3	3		3				1	2																																										
172	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Chư Prông	38	34	4	3		3	2			1																																						1		1		
173	Trường TH Lương Thế Vinh	Xã Bàu Cạn	37	34	3	3		3	2				1																																										
174	Trường TH Trưng Vương	Xã Bàu Cạn	44	38	5	4		4	1			1	1	1																																				1		1		
175	Trường TH Trần Quốc Toản	Xã Ia Boòng	47	42	4	3		3	3																																									1		1		
176	Trường TH Đoàn Thị Điểm	Xã Ia Boòng	48	39	9	9		9	6			1	1	1																																									
177	Trường TH Phạm Hồng Thái	Xã Ia Lâu	47	41	5	5		5	1			1	2	1																																									
178	Trường TH Hoàng Hoa Thám	Xã Ia Lâu	66	43	21	18		18	12	1	1	1	2	1																																				3	1	1		1
179	Trường TH Bùi Thị Xuân	Xã Ia Pia	34	29	5	4		4	1		1	1	1																																					1	1			
180	Trường TH Lý Thường Kiệt	Xã Ia Pia	42	34	7	6		6	4			1	1																																					1	1			
181	Trường TH Anh Hùng Núp	Xã Ia Pia	39	29	10	9		9	7				1	1																																				1	1			
182	Trường TH Nguyễn Du	Xã Ia Tôr	48	44	3	3		3	2				1																																										
183	Trường TH Ngô Mây	Xã Ia Tôr	38	30	7	7		7	4			1	1	1																																									
184	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Chư Pưh	47	38	9	8		8	4		1	1	1	1																																				1		1		
185	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	Xã Chư Pưh	41	34	5	5		5	3				1	1																																									
186	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	Xã Chư Pưh	36	34	1																																													1		1		
187	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Chư Pưh	46	36	9	9		9	7				1	1																																									
188	Trường TH Phan Chu Trinh	Xã Ia Le	40	35	4	3		3	2	1																																								1		1		
189	Trường TH Nguyễn Văn Cừ	Xã Ia Le	43	34	8	8		8	7				1																																										
190	Trường TH Kim Đồng	Xã Ia Le	52	43	8	8		8	5			1	1	1																																									
191	Trường TH Hùng Vương	Xã Ia Hrú	34	28	4	4		4	2		1		1																																										
192	Trường TH Nguyễn Tất Thành	Xã Ia Hrú	31	26	5	5		5	3				1	1																																									
193	Trường TH Anh Hùng Núp	Xã Ia Hrú	29	27	2	2		2	1				1																																										
194	Trường TH Trần Quốc Toản	Xã Ia Hrú	39	34	4	3		3	3																																									1		1		
195	Trường TH Nguyễn Công Trứ	Xã Ia Hrú	49	42	6	6		6	5					1																																									
196	Trường TH Nguyễn Tri Phương	Xã Chư Sê	36	27	6	6		6	5	1																																													
197	Trường TH Phạm Hồng Thái	Xã Chư Sê	39	33	4	4		4	3				1																																										
198	Trường TH Tôn Đức Thắng	Xã Chư Sê	41	38	3	2		2				1	1																																					1		1		
199	Trường TH Lê Văn Tám	Xã Bờ Ngoong	45	34	10	9		9	7				2																																					1		1		
200	Trường TH Trần Quốc Toản	Xã Bờ Ngoong	39	32	6	6		6	4			1	1																																										
201	Trường TH Phan Đình Phùng	Xã Bờ Ngoong	32	24	6	6		6	2		1	1	1	1																																									
202	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ia Ko	42	26	15	15		15	14			1																																											
203	Trường TH Lê Hồng Phong	Xã Ia Ko	50	46	4	4		4	3				1																																										
204	Trường TH Lê Văn Tám	Xã Ia Ko	37	34	3	3		3	3																																														
205	Trường PTDTBT TH Lê Lợi	Xã Al Bá	33	23	9	9		9	7			1	1																																										
206	Trường TH Bùi Thị Xuân	Xã Al Bá	39	34	5	5		5	4		1																																												
207	Trường TH số 1 Đak Đoa	Xã Đak Đoa	41	34	7	7		7	5				2																																										
208	Trường TH số 2 Đak Đoa	Xã Đak Đoa	35	32	3	3		3	1		1		1																																										

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025	Giáo viên		Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																	Nhân viên				
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
209	Trường TH số 3 Đak Đoa	Xã Đak Đoa	18	16	2	2		2	2																																														
210	Trường TH số 1 Glar	Xã Đak Đoa	36	27	7	7		7	6			1																																											
211	Trường TH số 2 Glar	Xã Đak Đoa	20	14	4	4		4	4																																														
212	Trường TH Tân Bình	Xã Đak Đoa	27	22	4	4		4	1	1		1	1																																										
213	Trường TH Đak Krong	Xã Kon Gang	38	35	2	2		2				1		1																																									
214	Trường TH Nam Yang	Xã Kon Gang	42	36	6	5		5	4				1																																						1	1			
215	Trường TH Ia Pết	Xã Ia Băng	52	44	6	6		6	4			1	1																																										
216	Trường TH số 1 Ia Băng	Xã Ia Băng	56	45	10	9		9	7			1		1																																					1	1			
217	Trường TH số 2 Ia Băng	Xã Ia Băng	22	19	2	2		2	1			1																																											
218	Trường TH A Dơk	Xã Ia Băng	41	38	2	1		1	1																																										1	1			
219	Trường TH số 1 KDang	Xã KDang	21	17	4	3		3	1			1		1																																					1	1			
220	Trường TH số 2 KDang	Xã KDang	30	26	4	4		4	3			1																																											
221	Trường TH số 3 KDang	Xã KDang	39	31	8	7		7	4			1	2																																						1	1			
222	Trường TH Đak Sơmei	Xã Đăk Sơmei	50	40	8	7		7	4			1	1	1																																					1	1			
223	Trường PTDTBT TH Hà Đông	Xã Đăk Sơmei	42	25	13	12		12	7		1		2	2																																					1	1			
224	Trường TH Lê Văn Tám	Xã Đức Cơ	47	45	2	2		2	1			1																																											
225	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Đức Cơ	40	39	1	1		1				1																																											
226	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Đức Cơ	35	33	2	1		1				1																																							1		1		
227	Trường TH Bùi Thị Xuân	Xã Ia Krêl	20	17	3	3		3	1			1		1																																									
228	Trường TH Đinh Núp	Xã Ia Krêl	19	17	2	2		2	2																																														
229	Trường TH Hùng Vương	Xã Ia Krêl	34	31	3	3		3	3																																														
230	Trường TH Trần Quốc Tuấn	Xã Ia Krêl	27	25	2	2		2	1				1																																										
231	Trường PTDTBT TH Lê Quý Đôn	Xã Ia Krêl	31	29	2	2		2	1			1																																											
232	Trường TH Trần Phú	Xã Ia Dom	47	45	2	2		2				1	1																																										
233	Trường TH Ngô Mây	Xã Ia Dơk	27	26	1	1		1	1																																														
234	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	Xã Ia Dơk	26	22	3	3		3	2				1																																										
235	Trường TH Võ Văn Kiệt	Xã Ia Dơk	25	19	5	5		5	4			1																																											
236	Trường TH Kpă Klơng	Xã Ia Nan	25	20	5	5		5	3			1	1																																										
237	Trường TH Kim Đồng	Xã Ia Grai	36	34	2	1		1						1																																					1	1			
238	Trường TH Lý Tự Trọng	Xã Ia Hrung	35	33	2	1		1					1																																						1	1			
239	Trường TH Ngô Mây	Xã Ia Hrung	32	31	1																																														1	1			
240	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Ia Hrung	41	40	1																																														1	1			
241	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ia Hrung	35	34	1																																														1	1			
242	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Ia Krái	57	53	4	4		4	3				1																																										
243	Trường TH Lê Lợi	Xã Ia Krái	35	33	1	1		1	1																																														
244	Trường TH Lê Quý Đôn	Xã Ia Krái	34	30	2	1		1	1																																										1	1			
245	Trường TH Cù Chính Lan	Xã Ia Chia	57	52	4	2		2	2																																										2	1	1		
246	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Ia O	36	32	3	2		2	2																																										1	1			
247	Trường TH Bùi Thị Xuân	Xã Ia O	48	41	6	5		5	4				1																																						1	1			
248	Trường TH Lê Hồng Phong	Xã Ia Pa	31	26	3	3		3	2				1																																										
249	Trường TH Lý Tự Trọng	Xã Ia Pa	21	19	1	1		1					1																																										
250	Trường TH Lê Quý Đôn	Xã Ia Pa	41	37	4	4		4	1				2	1																																									
251	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	Xã Ia Pa	24	19	4	4		4	2			1		1																																									
252	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Xã Ia Pa	39	31	8	8		8	5			1	1	1																																									
253	Trường TH Võ Thị Sáu	Xã Pờ Tó	32	27	5	5		5	3			1	1																																										
254	Trường TH Lý Thường Kiệt	Xã Pờ Tó	22	17	5	4		4	3			1																																							1		1		
255	Trường TH Lê Văn Tám	Xã Pờ Tó	29	25	4	4		4	2			1	1																																										
256	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	Xã Kông Bơ La	20	18	1																																														1				1
257	Trường TH Bùi Thị Xuân	Xã Kông Bơ La	27	26	1	1		1					1																																										
258	Trường TH Hoàng Hoa Thám	Xã Tơ Tung	18	17	1	1		1	1																																														
259	Trường TH Sơn Lang	Xã Sơn Lang	19	17	2	2		2			1	1																																											
260	Trường PTDTBT TH Lê Văn Tám	Xã Krong	31	28	2	2		2	1			1																																											
261	Trường TH Chu Văn An	Xã Kong Chro	23	17	5	2		2				1	1																																						3	1	1		1
262	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Kong Chro	47	43	4	3		3	2				1																																						1	1			
263	Trường TH Số 1 Phú Túc	Xã Phú Túc	43	38	4	4		4	3					1																																									
264	Trường TH Trần Quốc Toản	Xã Phú Túc	36	31	4	3		3	1			1	1																																						1		1		
265	Trường TH Nguyễn Tất Thành	Xã Phú Túc	32	28	4	3		3	1				1	1																																					1		1		
266	Trường TH Hùng Vương	Xã Phú Túc	36	30	6	5		5	3				1	1																																					1	1			
267	Trường TH Chư Ngọc	Xã Phú Túc	42	33	8	7		7	5				1	1																																					1	1			
268	Trường TH Chư Gu	Xã Ia Rsai	47	39	7	6		6	4				2																																						1	1			
269	Trường TH Chư Rcăm	Xã Ia Rsai	38	32	6	5		5	4					1																																					1	1			

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																													Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học					
270	Trường TH Trưng Vương	Xã Ia Rsai	48	40	8	7		7	6		1																																								1	1			
271	Trường TH Lý Thường Kiệt	Xã Uar	35	30	4	4		4	2		1		1																																										
272	Trường TH Nay Der	Xã Uar	46	39	6	6		6	4			1	1																																										
273	Trường TH Trần Quốc Tuấn	Xã Uar	55	45	5	5		5	4				1																																										
274	Trường TH Kim Đồng	Xã Ia Dreh	34	29	5	5		5	4				1																																										
275	Trường TH Ia Rmok	Xã Ia Dreh	41	37	4	4		4	4																																														
276	Trường TH Kon Dơng số 1	Xã Mang Yang	39	36	2	1		1						1																																					1		1		
277	Trường TH Kon Dơng số 2	Xã Mang Yang	26	25	1																																																1	1			
278	Trường TH Đăk Djrăng	Xã Mang Yang	38	36	2	2		2				1	1																																										
279	Trường TH số 1 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	41	31	8	7		7	4			1	1	1																																					1	1			
280	Trường TH số 2 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	44	35	8	8		8	6		1	1																																											
281	Trường TH số 3 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	37	25	10	8		8	5	1		1		1																																					2	1	1		
282	Trường TH Ayun số 1	Xã Ayun	28	21	7	6		6	3			1	1	1																																					1	1			
283	Trường TH Ayun số 2	Xã Ayun	34	27	5	5		5	2				2	1																																									
284	Trường TH Hra số 1	Xã Hra	34	27	7	7		7	5			1		1																																									
285	Trường TH Hra số 2	Xã Hra	34	29	5	5		5	5																																														
286	Trường TH Kon Chiêng số 1	Xã Kon Chiêng	33	20	11	9		9	5	1		1	1	1																																					2	1	1		
287	Trường TH Kon Chiêng số 2	Xã Kon Chiêng	27	15	11	9		9	5	1		1	1	1																																					2	1	1		
288	Trường TH Ngô Mây	Xã Phú Thiện	27	25	1	1		1	1																																														
289	Trường TH Ngô Quyền	Xã Phú Thiện	41	37	4	4		4	3				1																																										
290	Trường TH Chu Văn An	Xã Phú Thiện	53	45	7	7		7	3	1		1	1	1																																									
291	Trường TH Thắng Lợi	Xã Phú Thiện	12	11	1	1		1	1																																														
292	Trường TH Lê Lợi	Xã Phú Thiện	43	37	6	6		6	4			1	1																																										
293	Trường PTDTBT TH Anh hùng Núp	Xã Phú Thiện	38	33	4	4		4	2			1	1																																										
294	Trường TH Nguyễn Trãi	Xã Phú Thiện	25	19	6	6		6	5			1																																											
295	Trường TH Lý Tự Trọng	Xã Phú Thiện	28	22	6	6		6	5			1																																											
296	Trường TH Trần Phú	Xã Ia Hiao	43	34	7	7		7	5			1	1																																										
297	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ia Hiao	35	27	8	7		7	4		1		2																																						1		1		
298	Trường TH Kpă Klơng	Xã Ia Hiao	29	24	3	3		3	3																																														
299	Trường TH Kim Đồng	Xã Chư A Thai	19	15	3	3		3	2			1																																											
300	Trường PTDTBT TH Nay Der	Xã Chư A Thai	25	20	4	4		4	2			1	1																																										
301	Trường TH Nguyễn Tri Phương	Xã Chư A Thai	26	20	6	6		6	3		1	1	1																																										
302	Trường TH Phan Chu Trinh	Xã Chư A Thai	45	37	7	6		6	3			1	1	1																																					1		1		
III	**TRƯỜNG TH&THCS**		**2682**	**2246**	**378**	**346**		**187**	**92**	**9**	**8**	**28**	**34**	**16**	**159**	**23**	**11**	**12**	**5**	**3**	**18**	**11**	**13**	**2**	**8**	**10**	**9**	**6**	**6**	**3**	**4**	**2**	**13**																		**32**	**13**	**12**	**2**	**5**
1	Trường TH&THCS Nhơn Hải	Phường Quy Nhơn Đông	41	35	6	5		1	1						4	2				1													1																		1	1			
2	Trường TH&THCS Nhơn Châu	Phường Quy Nhơn Bắc	18	16	2	2		1	1						1			1																																				
3	Trường TH&THCS Canh Hiển	Xã Canh Vinh	36	35	1	1									1																	1																							
4	Trường PTDTBT TH&THCS Vĩnh Kim	Xã Vĩnh Sơn	47	40	7	7		3	2					1	4	1					1		1				1																												
5	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân	Phường Thống Nhất	64	58	6	5		3				1		2	2	1					1																														1		1		
6	Trường TH&THCS Nguyễn Chí Thanh	Phường Diên Hồng	21	14	6	4		2	1				1		2		1					1																													2		1		1
7	Trường TH&THCS Chư Đăng Ya	Xã Biển Hồ	32	30	1	1		1				1																																											
8	Trường TH&THCS Anh hùng Đôn	Xã Gào	24	17	5	5		2	1				1		3	1	1					1																																	
9	Trường TH&THCS Anh hùng Wừu	Xã Gào	27	19	7	6		4	2			1		1	2								1					1																							1		1		
10	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xã Gào	57	55	2	2		1	1						1	1																																							
11	Trường TH&THCS Đinh Tiên Hoàng	Xã Kon Gang	33	26	6	6		4	2			1	1		2					1						1																													
12	Trường TH&THCS Võ Nguyên Giáp	Phường An Khê	47	45	2	2		1				1			1						1																																		
13	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	Phường Ayun Pa	38	30	3	3		1					1		2			1								1																													
14	Trường TH&THCS Lê Văn Tám	Phường Ayun Pa	42	39	2	2		1	1						1		1																																						
15	Trường TH&THCS Nguyễn Viết Xuân	Xã Ia Sao	30	27	3	2		1		1					1								1																												1		1		
16	Trường TH&THCS Nghĩa Hòa	Xã Chư Păh	31	29	2	2		1	1						1	1																																							
17	Trường TH&THCS Ia Phí	Xã Ia Phí	18	13	2	2									2		1					1																																	
18	Trường THCS Ia Kreng	Xã Ia Ly	30	26	4	3		3	1			1	1																																						1		1		
19	Trường TH&THCS Ia Mơ Nông	Xã Ia Ly	33	24	8	7		4	4						3						1		1		1																										1	1			
20	Trường TH&THCS Nguyễn Khuyến	Xã Chư Prông	32	28	3	3		2	1					1	1													1																											
21	Trường TH&THCS Kim Đồng	Xã Ia Boòng	46	36	9	8		2					2		6									1		1					2	1	1																		1	1			
22	Trường TH&THCS Phan Bội Châu	Xã Ia Tôr	52	35	15	12		7	2		1	1	1	2	5	1						1	1						1				1																		3	1		1	1
23	Trường TH&THCS Phù Đổng	Xã Ia Púch	45	41	4	4		3	2			1			1										1																														
24	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ia Mơ	27	23	3	3		2	1		1				1		1																																						
25	Trường THCS Kpă Klơng	Xã Chư Pưh	48	38	8	8		4	3				1		4	1	1									1				1																									
26	Trường TH&THCS Nguyễn Du	Xã Chư Sê	40	37	1	1									1	1																																							
27	Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám	Xã Bờ Ngoong	58	32	23	23		15	12		1		2		8	1		1	1		1	1			1		1	1																											

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
						Giáo viên																																												Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																				
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
28	Trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng	Xã Bờ Ngoong	41	26	13	13		9	4	1	1		2	1	4	1					1		1										1																					
29	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	Xã Al Bá	75	50	23	23		8	5	1		1	1		15	3	1	1	1		4	2	1				1						1																					
30	Trường TH& THCS Nay Der	Xã KDang	44	33	5	5		4	1	1		1	1		1						1																																		
31	Trường TH& THCS Nguyễn Du	Xã Ia Dơk	28	26	2	2		1	1						1								1																																
32	Trường TH&THCS Nguyễn Chí Thanh	Xã Ia Grai	47	44	3	2		2				1	1																																										1	1			
33	Trường TH&THCS Phan Đình Phùng	Xã Ia Grai	45	42	3	2								2	1										1																										1	1			
34	Trường TH&THCS Nguyễn Du	Xã Ia Krái	30	29	1	1								1										1																													
35	Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám	Xã Ia Krái	40	34	6	6		4	1				2	1	2								1										1																					
36	Trường TH&THCS Quang Trung	Xã Ia Tul	36	33	2	1		1	1																																												1	1			
37	Trường TH&THCS Phạm Hồng Thái	Xã Ia Tul	33	30	3	3		2					1	1	1																1																							
38	Trường TH&THCS Nay Der	Xã Ia Tul	57	50	7	7		3	1			1	1		4						1				1	1			1																									
39	Trường TH&THCS Kpă Klơng	Xã Ia Tul	38	35	3	3		2				1	1		1	1																																						
40	Trường TH&THCS Đinh Núp	Xã Pờ Tó	26	23	2	1		1	1																																												1		1		
41	Trường PTDTBT TH&THCS Lơ Ku	Xã Kbang	39	35	3	3		1	1						2				1					1																													
42	Trường PTDTBT TH&THCS Đak Smar	Xã Kbang	26	21	4	4		1		1					3			1									1						1																					
43	Trường TH&THCS Tơ Tung	Xã Tơ Tung	48	46	2	1								1											1																										1		1		
44	Trường TH&THCS Trạm Lập	Xã Sơn Lang	23	16	7	7		4	2			1	1		3						1	1					1																												
45	Trường TH&THCS Sơ Pai	Xã Sơn Lang	52	46	6	6		1					1		5	1			1			1					1						1																					
46	Trường PTDTBT TH&THCS Đak Rong	Xã Đak Rong	41	33	8	7		4	3		1				3		1	1				1																																1				1
47	Trường PTDTBT TH&THCS Kon Pne	Xã Đak Rong	21	16	4	3		2				1	1		1	1																																				1		1		
48	Trường PTDTBT TH&THCS Krong	Xã Krong	22	17	4	3		1	1						2					1													1																		1	1			
49	Trường TH&THCS Lê Quý Đôn	Xã Kong Chro	33	26	7	5		3	1		1			1	2			1													1																				2	1	1		
50	Trường PTDTBT TH&THCS Yang Nam	Xã Kong Chro	67	54	12	11		5	2		1	1	1		6	1		1								1	1		1				1																		1				1
51	Trường TH&THCS Chơ Long	Xã Chơ Long	53	46	5	5		3	2			1			2			1										1																											
52	Trường TH&THCS Lê Văn Tám	Xã Chơ Long	34	31	3	3		1					1		2	1													1																										
53	Trường TH&THCS Bùi Thị Xuân	Xã Đăk Song	25	16	9	7		4	1	1			1	1	3						1				1					1																						2	1	1		
54	Trường TH&THCS Cao Bá Quát	Xã Đăk Song	26	23	3	2		1				1			1							1																																1	1			
55	Trường TH&THCS An Trung	Xã Chư Krey	59	50	8	7		4	2			1	1		3										1	1				1																								1		1		
56	Trường PTDTBT TH&THCS Nguyễn Khuyến	Xã Chư Krey	48	41	7	7		3		1			1	1	4	1		1					1										1																					
57	Trường PTDTBT TH&THCS Đăk Kơ Ning	Xã SRó	39	38	1	1		1	1																																																	
58	Trường PTDTBT TH&THCS SRó	Xã SRó	57	43	13	13		6	4		1	1			7	1	1	1			1		1					1	1																										
59	Trường TH&THCS Lê Hồng Phong	Xã Ya Ma	32	29	2	1		1				1																																									1		1		
60	Trường TH&THCS Kông Yang	Xã Ya Ma	48	38	9	9		6	5			1			3								1				1	1																									
61	Trường TH&THCS Lê Lợi	Xã Ya Ma	24	22	2	2		1					1		1		1																																						
62	Trường TH&THCS Lê Lợi	Xã Phú Túc	49	39	9	8		6	5					1	2						1												1																		1			1	
63	Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	Xã Ia Dreh	52	46	5	5		3	2			1			2						1					1																													
64	Trường TH&THCS Đak Jơ Ta	Xã Ayun	33	29	4	3		3	1			1	1																																										1	1			
65	Trường TH&THCS Đăk Yă	Xã Mang Yang	48	43	4	4		3				1	1	1	1										1																													
66	Trường TH&THCS Phạm Hồng Thái	Xã Mang Yang	43	31	9	9		6	3	1		1		1	3		1		1				1																																	
67	Trường TH&THCS Hra	Xã Hra	46	41	5	5		3	1			1	1		2			1			1																																			
68	Trường TH&THCS Đăk Trôi	Xã Kon Chiêng	37	27	9	7		4	1	1		1	1		3												1		1				1																		2	1			1
IV	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ		7996	7123	747	681								681	99	33	31	19	14	89	41	44	25	76	59	37	23	28	16	4	5	38																		66	31	23	9	3
1	Trường THCS Lê Hồng Phong	Phường Quy Nhơn	74	72	2	2								2									1		1																												
2	Trường THCS Đống Đa	Phường Quy Nhơn	71	70	1	1								1														1																									
3	Trường THCS Ngô Văn Sở	Phường Quy Nhơn	24	23	1	1								1					1																																				
4	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Quy Nhơn	47	46	1	1								1						1																																			
5	Trường THCS Lê Lợi	Phường Quy Nhơn	39	38	1	1								1											1																												
6	Trường THCS Nhơn Bình	Phường Quy Nhơn Đông	62	58	3	3								3									1	1				1																									
7	Trường THCS Nhơn Lý	Phường Quy Nhơn Đông	28	25	3	3								3	1									1				1																									
8	Trường THCS Nhơn Hội	Phường Quy Nhơn Đông	21	15	6	6								6	1				1	1				2		1																												
9	Trường THCS Bùi Thị Xuân	Phường Quy Nhơn Tây	52	43	7	7								7					1				2		2			1			1																						
10	Trường THCS Nguyễn Huệ	Phường Quy Nhơn Nam	45	44	1	1								1		1																																						
11	Trường THCS Ngô Mây	Phường Quy Nhơn Nam	66	65	1	1								1									1																															
12	Trường THCS Quang Trung	Phường Quy Nhơn Nam	79	78	1	1								1												1																											
13	Trường THCS Ghềnh Ráng	Phường Quy Nhơn Nam	27	24	3	2								2									1	1																									1	1			
14	Trường THCS Trần Quang Diệu	Phường Quy Nhơn Bắc	62	60	2	2								2								1							1																								
15	Trường THCS Nhơn Phú	Phường Quy Nhơn Bắc	48	47	1	1								1														1																									
16	Trường THCS Bình Định	Phường Bình Định	81	70	9	9								9		1				1	2	1		1	2				1																							
17	Trường THCS Nhơn Khánh	Phường Bình Định	32	31	1	1								1											1																												
18	Trường THCS Nhơn Phúc	Phường Bình Định	33	30	3	2								2		1	1																																				1		1		
19	Trường THCS Đập Đá	Phường An Nhơn	70	62	5	5								5			1			1	1	1		1																														

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																	
						Giáo viên																																													Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
20	Trường THCS Nhơn Hậu	Phường An Nhơn	44	41	2	2									2			1													1																								
21	Trường THCS Nhơn Mỹ	Phường An Nhơn	35	34	1	1									1						1																																		
22	Trường THCS Nhơn Thọ	Phường An Nhơn Nam	36	33	3	3									3	1						1					1																												
23	Trường THCS Nhơn Hoà	Phường An Nhơn Nam	58	51	7	6									6	1			1			1	1			1	1																									1		1		
24	Trường THCS Nhơn Phong	Phường An Nhơn Bắc	34	29	4	4									4	2					1					1																													
25	Trường THCS Nhơn Hạnh	Phường An Nhơn Bắc	35	31	3	2									2		1				1																														1			1	
26	Trường THCS Nhơn Thành	Phường An Nhơn Bắc	58	54	4	4									4								1			2		1																											
27	Trường THCS Nhơn Hưng	Phường An Nhơn Đông	40	37	3	3									3							1				1				1																									
28	Trường THCS Nhơn An	Phường An Nhơn Đông	34	32	2	2									2	1		1																																					
29	Trường THCS Nhơn Lộc	Xã An Nhơn Tây	35	31	4	3									3			1			1					1																									1				1
30	Trường THCS Nhơn Tân	Xã An Nhơn Tây	32	31	1	1									1									1																															
31	Trường THCS Hoài Đức	Phường Bồng Sơn	47	45	2	2									2						1					1																													
32	Trường THCS Bồng Sơn	Phường Bồng Sơn	85	80	5	5									5						1		1			2				1																									
33	Trường THCS Hoài Hương	Phường Hoài Nhơn Đông	65	60	4	4									4			1	1		1							1																											
34	Trường THCS Hoài Hải	Phường Hoài Nhơn Đông	34	27	3	3									3								1		1					1																									
35	Trường THCS Hoài Mỹ	Phường Hoài Nhơn Đông	47	44	2	2									2		1				1																																		
36	Trường THCS Hoài Tân	Phường Hoài Nhơn Nam	54	53	1	1									1						1																																		
37	Trường THCS Hoài Xuân	Phường Hoài Nhơn Nam	30	27	2	2									2	1				1																																			
38	Trường THCS Đào Duy Từ	Phường Hoài Nhơn Tây	44	43	1	1									1								1																																
39	Trường THCS Hoài Phú	Phường Hoài Nhơn Tây	34	33	1	1									1											1																													
40	Trường THCS Tam Quan	Phường Tam Quan	50	49	1	1									1										1																														
41	Trường THCS Tam Quan Bắc	Phường Hoài Nhơn Bắc	71	69	1	1									1														1																										
42	Trường THCS Hoài Châu Bắc	Phường Hoài Nhơn Bắc	40	37	3	3									3	1		1														1																							
43	Trường THCS Hoài Sơn	Phường Hoài Nhơn Bắc	35	34	1	1									1							1																																	
44	Trường THCS Cát Thành	Xã Cát Tiến	47	45	2	2									2	1										1																													
45	Trường THCS Cát Tài	Xã Đề Gi	39	37	2	2									2	1										1																													
46	Trường THCS Cát Khánh	Xã Đề Gi	60	59	1	1									1								1																																
47	Trường THCS Ngô Mây	Xã Phù Cát	67	60	6	6									6	1					1			1		1						1	1																						
48	Trường THCS Cát Trinh	Xã Phù Cát	54	52	2	2									2	1					1																																		
49	Trường THCS Cát Tân	Xã Phù Cát	50	48	1	1									1						1																																		
50	Trường THCS Cát Tường	Xã Xuân An	56	54	2	2									2									1		1																													
51	Trường THCS Cát Nhơn	Xã Xuân An	35	34	1	1									1								1																																
52	Trường THCS Cát Hưng	Xã Ngô Mây	32	29	1	1									1		1																																						
53	Trường THCS Cát Chánh	Xã Ngô Mây	28	24	3	3									3	1								1								1																							
54	Trường THCS Cát Hanh	Xã Hòa Hội	48	45	3	3									3	1					2																																		
55	Trường THCS Cát Hiệp	Xã Hòa Hội	31	30	1	1									1							1																																	
56	Trường THCS Cát Lâm	Xã Hội Sơn	33	28	4	4									4						2	1				1																													
57	Trường THCS Cát Sơn	Xã Hội Sơn	28	25	3	3									3						1							1	1																										
58	Trường THCS Mỹ An	Xã Phù Mỹ Đông	37	33	3	3									3	1			1					1																															
59	Trường THCS Mỹ Thắng	Xã Phù Mỹ Đông	41	37	3	2									2						2																														1			1	
60	Trường THCS Mỹ Thọ	Xã Phù Mỹ Đông	55	50	4	4									4						1			2		1																													
61	Trường THCS Phù Mỹ	Xã Phù Mỹ	60	53	5	4									4											1	1		1	1																					1			1	
62	Trường THCS Mỹ Trinh	Xã Phù Mỹ Tây	27	24	1																																															1	1			
63	Trường THCS Mỹ Hòa	Xã Phù Mỹ Tây	30	26	1	1									1											1																													
64	Trường THCS Mỹ Tài	Xã Phù Mỹ Nam	31	29	1	1									1				1																																				
65	Trường THCS Mỹ Thành	Xã An Lương	47	36	10	9									9	1					4		1		1		1		1																						1		1		
66	Trường THCS Mỹ Cát	Xã An Lương	27	24	2	1									1						1																														1		1		
67	Trường THCS Bình Dương	Xã Bình Dương	40	39	1	1									1	1																																							
68	Trường THCS Phước An	Xã Tuy Phước Tây	60	57	3	2									2	1												1																							1	1			
69	Trường THCS Phước Thành	Xã Tuy Phước Tây	48	40	6	4									4	1					1				1		1																								2	1		1	
70	Trường THCS Trần Bá	Xã Tuy Phước	50	47	2	1									1						1																														1			1	
71	Trường THCS Tuy Phước	Xã Tuy Phước	77	67	8	7									7	2					2			1		1	1																								1	1			
72	Trường THCS Phước Lộc	Xã Tuy Phước	55	54	1																																															1	1			
73	Trường THCS Phước Quang	Xã Tuy Phước Bắc	44	43	1	1									1			1																																					
74	Trường THCS Phước Hưng	Xã Tuy Phước Bắc	44	39	2	2									2				1								1																												
75	Trường THCS số 2 Phước Sơn	Xã Tuy Phước Đông	32	29	3	2									2									1		1																									1		1		
76	Trường THCS Phước Thắng	Xã Tuy Phước Đông	34	26	7	5									5		1	1	1						2																										2		1	1	
77	Trường THCS Phước Hòa	Xã Tuy Phước Đông	53	49	2	1									1							1																													1		1		
78	Trường THCS Võ Xán	Xã Tây Sơn	70	65	3	3									3									1	1	1																													
79	Trường THCS Tây Thuận	Xã Bình Khê	27	21	5	4									4	1					1					1			1																						1	1			
80	Trường THCS Tây Giang	Xã Bình Khê	49	41	6	6									6	2				1				1	1			1																											

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
						Giáo viên																																													Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
81	Trường THCS Bình Thuận	Xã Bình Hiệp	31	27	4	4									4			1					1					1		1																								
82	Trường THCS Tây Bình	Xã Bình An	29	27	2	2									2											1			1																									
83	Trường THCS Tăng Bạt Hổ	Xã Hoài Ân	49	47	1	1									1															1																								
84	Trường THCS Ân Đức	Xã Hoài Ân	38	37	1	1									1						1																																	
85	Trường THCS Ân Tường Đông	Xã Hoài Ân	22	20	2	2									2	1						1																																
86	Trường THCS Ân Tường Tây	Phường Ân Tường	35	32	2	2									2		1								1																													
87	Trường PTDTNT THCS Hoài Ân	Phường Ân Tường	26	24	2	1									1					1																															1			1	
88	Trường THCS Ân Nghĩa	Xã Kim Sơn	43	38	4	3									3		1							1								1																			1	1			
89	Trường THCS Ân Hảo Tây	Xã Ân Hảo	20	18	2	2									2	1									1																													
90	Trường THCS Ân Mỹ	Xã Ân Hảo	21	17	4	4									4	2						1											1																						
91	Trường THCS Vân Canh	Xã Vân Canh	40	36	4	4									4	1	1				1		1																															
92	Trường PTDTBT THCS Canh Thuận	Xã Vân Canh	25	22	1	1									1																1																								
93	Trường THCS Canh Vinh	Xã Canh Vinh	32	29	3	3									3	1									1		1																												
94	Trường PTDTBT THCS Canh Liên	Xã Canh Liên	20	19	1	1									1	1																																							
95	Trường THCS Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh	36	35	1	1									1										1																													
96	Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	20	17	3	3									3	1										1	1																												
97	Trường PTDTBD THCS An Lão	Xã An Lão	41	40	1	1									1						1																																	
98	Trường THCS Nguyễn Du	Phường Diên Hồng	91	79	11	11									11	3	1				2	1			3	1																													
99	Trường THCS Trưng Vương	Phường Diên Hồng	60	53	7	6									6	2	1						1		1			1																							1		1		
100	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Phường Diên Hồng	35	30	3	3									3		1				1		1																																
101	Trường THCS Tôn Đức Thắng	Phường Thống Nhất	58	57	1	1									1																		1																						
102	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Phường Thống Nhất	70	67	3	3									3	1					1												1																						
103	Trường THCS Kpa Klơng	Xã Biển Hồ	27	24	2	1									1												1																								1		1		
104	Trường THCS Lê Hồng Phong	Phường An Khê	50	47	3	3									3	1					1		1																															
105	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Phường An Bình	38	37	1	1									1								1																															
106	Trường THCS Mai Xuân Thưởng	Phường Cửu An	20	18	2	2									2	1							1																															
107	Trường THCS Nguyễn Du	Phường Cửu An	33	28	5	5									5	2					1			1									1																						
108	Trường THCS Nguyễn Huệ	Phường Ayun Pa	51	49	1																																														1				1
109	Trường PTDTNT THCS AyunPa	Phường Ayun Pa	17	15																																																				
110	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Xã Ia Rbol	20	19	1	1									1			1																																					
111	Trường PTDTNT THCS Chư Păh	Xã Chư Păh	15	14	1	1									1						1																																	
112	Trường THCS Hòa Phú	Xã Chư Păh	22	19	3	1									1							1																													2	1	1		
113	Trường THCS Phú Hòa	Xã Chư Păh	31	29	2	2									2												1			1																									
114	Trường THCS Ia Phí	Xã Ia Phí	22	18	3	3									3			1					1					1																											
115	Trường THCS Ia Nhin	Xã Ia Phí	26	23	2	2									2								1		1																													
116	Trường THCS Ia Ka	Xã Ia Phí	26	20	5	5									5	1					1				1	1							1																						
117	Trường THCS Ia Ly	Xã Ia Ly	27	23	4	3									3		1			1				1																											1	1			
118	Trường THCS Đăk Tơ Ver	Xã Ia Khươl	23	20	3	3									3	1		1										1																											
119	Trường THCS Chu Văn An	Xã Chư Prông	61	58	3	3									3		1				1				1																														
120	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Chư Prông	26	25	1	1									1							1																																	
121	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	Xã Bàu Cạn	27	25	2	1									1																		1																		1	1			
122	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Xã Bàu Cạn	27	25	2	2									2										1		1																												
123	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Xã Bàu Cạn	27	24	2	1									1																		1																		1	1			
124	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xã Ia Boòng	23	21	2	2									2		1								1																														
125	Trường THCS Quang Trung	Xã Ia Boòng	22	20	2	2									2								1										1																						
126	Trường THCS Lê Đình Chinh	Xã Ia Lâu	36	26	8	6									6		1			1	1			1					1				1																		2	1		1	
127	Trường THCS Lê Văn Tám	Xã Ia Lâu	39	19	19	18									18	3			1		3	2	1		2	1	2	1	1				1																		1	1			
128	Trường THCS Ngô Quyền	Xã Ia Pia	26	18	6	6									6			1					1			1				1	1		1																						
129	Trường THCS Ngô Gia Tự	Xã Ia Pia	17	13	4	4									4			1					1						1				1																						
130	Trường THCS Kpă Klơng	Xã Ia Pia	22	13	7	7									7	1				1	1		1		1				1	1																									
131	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Xã Ia Tôr	29	26	3	3									3					1				1	1																														
132	Trường THCS Lý Thường Kiệt	Xã Chư Pưh	40	32	6	6									6			1				1	1		1		1		1																										
133	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xã Chư Pưh	49	44	5	5									5				1		1				1		1						1																						
134	Trường THCS Hà Huy Tập	Xã Ia Le	24	17	7	7									7	1	1		1				1		1	1			1																										
135	Trường THCS Trần Phú	Xã Ia Le	50	44	6	5									5	2	1						1		1																										1		1		
136	Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Ia Hrú	31	27	3	3									3	1	1								1																														
137	Trường THCS Nguyễn Huệ	Xã Ia Hrú	24	21	3	2									2							1			1																										1		1		
138	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Ia Hrú	26	20	6	6									6	1					1	1			1	1			1																										
139	Trường THCS Chu Văn An	Xã Chư Sê	60	55	4	4									4							1				1	1		1																										
140	Trường THCS Cao Bá Quát	Xã Chư Sê	45	43	1	1									1								1																																
141	Trường THCS Nguyễn Khuyến	Xã Chư Sê	42	39	1	1									1									1																															

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
						Giáo viên																																													Nhân viên				
								Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
					Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
142	Trường THCS Mạc Đĩnh Chi	Xã Chư Sê	25	21	3	3									3	1						1				1																													
143	Trường THCS Lê Duẩn	Xã Bờ Ngoong	31	24	5	4									4	3	1																																		1	1			
144	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	Xã Ia Ko	42	36	5	4									4					1					1	1				1																					1	1			
145	Trường THCS Kpă Klơng	Xã Ia Ko	26	14	10	9									9	1	1	1	1			1			1	1	1						1																		1	1			
146	Trường THCS Ama Trang Lơng	Xã Ia Ko	21	14	7	6									6	2		1			1				1		1																								1		1		
147	Trường PTDTBT THCS Phan Đăng Lưu	Xã Al Bá	23	22	1	1									1										1																														
148	Trường THCS Võ Thị Sáu	Xã Đak Đoa	79	68	10	10									10	2	1	1			1	1	1		1		1						1																						
149	Trường THCS Anh hùng Núp	Xã Đak Đoa	32	29	3	3									3										2	1																													
150	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Xã Đak Đoa	25	22	2	2									2	1					1																																		
151	Trường THCS Phan Chu Trinh	Xã Kon Gang	32	29	3	2									2											1							1																		1	1			
152	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	Xã Kon Gang	22	20	2	1									1							1																													1	1			
153	Trường THCS Lê Lợi	Xã Ia Băng	30	24	5	5									5	1				1	1				1		1																												
154	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	Xã Ia Băng	42	31	9	9									9	1	1					1			3		1	1					1																						
155	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xã Ia Băng	26	24	2	1									1	1																																			1	1			
156	Trường THCS Trần Phú	Xã KDang	31	27	4	4									4	1	1				1				1																														
157	Trường THCS Lê Quý Đôn	Xã KDang	26	15	11	10									10	3					2	1		1	1		1		1																						1	1			
158	Trường THCS Anh Hùng Wừu	Xã Đăk Somei	28	22	5	5									5						1				1		1			1			1																						
159	Trường PTDTBT THCS Trần Kiên	Xã Đăk Somei	30	16	12	11									11	3		1	1		2	1	1			1			1																						1				1
160	Trường THCS Trần Quốc Toản	Xã Đức Cơ	23	21	2	2									2	1									1																														
161	Trường THCS Nguyễn Hiền	Xã Đức Cơ	34	33	1	1									1									1																															
162	Trường THCS Quang Trung	Xã Đức Cơ	45	42	3	3									3	1				1	1																																		
163	Trường PTDTNT THCS Đức Cơ	Xã Đức Cơ	20	18	2	2									2	1				1																																			
164	Trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Ia Krêl	31	24	7	7									7	1					1		1			1	1	1					1																						
165	Trường THCS Nguyễn Huệ	Xã Ia Krêl	33	27	6	6									6	1					1		1		1		1						1																						
166	Trường THCS Siu BLễh	Xã Ia Krêl	21	17	4	3									3										1			1					1																		1	1			
167	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xã Ia Dom	36	33	3	2									2			1								1																									1	1			
168	Trường THCS Lê Lợi	Xã Ia Dok	29	22	7	6									6	1		1			1		1		1								1																		1		1		
169	Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Ia Nan	33	27	6	6									6			1			2				1	1							1																						
170	Trường THCS Hùng Vương	Xã Ia Grai	50	49	1	1									1												1																												
171	Trường THCS Tôn Đức Thắng	Xã Ia Hrung	30	29	1	1									1																		1																						
172	Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Ia Hrung	34	33	1																																														1		1		
173	Trường THCS Trần Phú	Xã Ia Hrung	38	37	1	1									1						1																																		
174	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xã Ia Hrung	28	27	1																																														1	1			
175	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Xã Ia Krái	38	30	8	7									7		1				1	1	1		1	1							1																		1		1		
176	Trường THCS Phạm Hồng Thái	Xã Ia Krái	37	32	4	4									4				1						1			1					1																						
177	Trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Ia Chia	34	28	6	5									5		1	1							2	1																									1	1			
178	Trường THCS Chu Văn An	Xã Ia O	38	37	1	1									1	1																																							
179	Trường THCS Hai Bà Trưng	Xã Ia Pa	30	26	3	3									3	1									1								1																						
180	Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Ia Pa	41	34	6	6									6	1			1		1		1		1	1																													
181	Trường PTDTNT THCS Ia Pa	Xã Ia Pa	26	22	2	2									2			1							1																														
182	Trường THCS Nguyễn Khuyến	Xã Ia Pa	20	18	2	2									2						1				1																														
183	Trường THCS Phan Đình Phùng	Xã Pờ Tó	20	17	3	2									2						1				1																										1		1		
184	Trường THCS Lương Thế Vinh	Xã Pờ Tó	28	21	7	7									7				1		1	1	1		1		1						1																						
185	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xã Kbang	44	41	2	2									2		1												1																										
186	Trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Kông Bơ La	18	17	1	1									1		1																																						
187	Trường THCS Quang Trung	Xã Kông Bơ La	19	17	1	1									1																		1																						
188	Trường THCS Kông Bơ La	Xã Kông Bơ La	19	16	1	1									1														1																										
189	Trường PTDTBT THCS Krong	Xã Krong	22	19	3	3									3											1				1			1																						
190	Trường THCS Quang Trung	Xã Kong Chro	42	32	10	8									8	1	1		1		1				1	1				1			1																		2	1	1		
191	Trường THCS Dân tộc Nội trú	Xã Kong Chro	19	18	1																																														1	1			
192	Trường THCS Kpă KLơng	Xã Phú Túc	23	19	3	3									3						1				1								1																						
193	Trường THCS Đất Bằng	Xã Phú Túc	20	19	1	1									1													1																											
194	Trường PTDTNT THCS Krông Pa	Xã Phú Túc	18	17	1	1									1													1																											
195	Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm	Xã Phú Túc	50	40	8	7									7	1	1		1		1	1	1				1																								1			1	
196	Trường PTDTBT THCS Ia Rsai	Xã Ia Rsai	28	23	4	4									4	1		1			1				1																														
197	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Ia Rsai	30	25	5	4									4	1							1			1	1																								1	1			
198	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xã Ia Rsai	26	24	2	2									2	1						1																																	
199	Trường THCS Lê Quý Đôn	Xã Uar	31	24	6	5									5	1		1				1					1		1																						1		1		
200	Trường THCS Nguyễn Huệ	Xã Uar	27	23	4	4									4						1	1				1		1																											
201	Trường THCS Phan Bội Châu	Xã Uar	23	16	5	4									4	1					1						1		1																						1	1			
202	Trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Ia Dreh	19	15	2	2									2										1			1																											

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Nhu cầu tuyển dụng năm 2025																																																		
					Tổng cộng	Giáo viên																																													Nhân viên				
						Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học							Giáo viên Trung học cơ sở																			Giáo viên Trung học phổ thông																					
								Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
203	Trường THCS Ngô Quyền	Xã Ia Dreh	27	24	2	1									1							1																													1		1		
204	Trường THCS Lê Quý Đôn	Xã Mang Yang	26	25	1	1									1								1																																
205	Trường PTDTBT THCS số 1 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	30	24	5	4									4	1					1		1			1																									1		1		
206	Trường PTDTBT THCS số 2 Lơ Pang	Xã Lơ Pang	26	12	12	12									12	2			1		2	1			2	1	1		1				1																						
207	Trường THCS Ayun	Xã Ayun	31	23	8	7									7	1		1	1		1	1	1										1																		1	1			
208	Trường THCS Hra	Xã Hra	39	29	9	9									9	3		1					1		1	1	1						1																						
209	Trường PTDTBT THCS Kon Chiêng	Xã Kon Chiêng	35	25	8	8									8	1	1				1	1	1			1	1				1																								
210	Trường THCS Trưng Vương	Xã Phú Thiện	26	22	2	2									2			1										1																											
211	Trường THCS Ngô Gia Tự	Xã Phú Thiện	23	22	1	1									1			1																																					
212	Trường THCS Lê Quý Đôn	Xã Ia Hiao	22	15	7	6									6						2	1				1		1					1																		1	1			
213	Trường THCS Nguyễn Du	Xã Ia Hiao	25	18	7	6									6						1	1						1	1	1			1																		1		1		
214	Trường THCS Trường Chinh	Xã Ia Hiao	27	23	4	4									4		1		1			1							1																										
215	Trường THCS Quang Trung	Xã Chư A Thai	20	16	3	2									2	1									1																										1		1		
216	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Bá Ngọc	Xã Chư A Thai	23	22	1	1									1													1																											
217	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	Xã Chư A Thai	23	22	1	1									1													1																											
V	**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**		**3442**	**3127**	**277**	**234**																												**234**	**31**	**9**	**10**	**3**	**37**	**27**	**15**	**23**	**17**	**11**	**19**	**1**	**1**	**7**	**5**	**18**	**43**	**7**	**17**	**12**	**7**
1	Trường THPT số 1 Tuy Phước (Xã Tuy Phước)	SGDĐT	74	72	2	2																												2						1					1										
2	Trường THPT số 1 An Nhơn (Phường Bình Định)	SGDĐT	59	58	1																																														1				1
3	Trường THPT số 3 An Nhơn (Phường An Nhơn Nam)	SGDĐT	67	66	1	1																												1								1													
4	Trường THPT Hòa Bình (Phường An Nhơn Bắc)	SGDĐT	51	50	1	1																												1	1																				
5	Trường THPT số 1 Nguyễn Trường Tộ (Phường An Nhơn)	SGDĐT	55	53	1																																														1				1
6	Trường THPT số 1 Quang Trung (Xã Tây Sơn)	SGDĐT	63	62	1	1																												1		1																			
7	Trường THPT Võ Lai (Xã Bình Khê)	SGDĐT	36	33	3	2																												2	1				1												1				1
8	Trường THPT số 1 Nguyễn Huệ (Xã Tây Sơn)	SGDĐT	59	58	1	1																												1								1													
9	Trường THPT số 3 Phù Cát (Xã Ngô Mây)	SGDĐT	48	47	1	1																												1	1																				
10	Trường THPT Ngô Lê Tân (Xã Cát Tiến)	SGDĐT	60	59	1	1																												1									1												
11	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang (Xã Cát Tiến)	SGDĐT	46	45	1																																														1				1
12	Trường THPT Ngô Mây (Xã Phù Cát)	SGDĐT	56	54	2	2																												2											1			1							
13	Trường THPT Mỹ Thọ (Xã Phù Mỹ Đông)	SGDĐT	67	66	1	1																												1		1																			
14	Trường THPT Lý Tự Trọng (Xã Hoài Nhơn Bắc)	SGDĐT	65	62	2	1																												1											1						1			1	
15	Trường THPT số 1 Nguyễn Du (Xã Hoài Nhơn Đông)	SGDĐT	80	78	1	1																												1					1																
16	Trường THPT số 1 Phan Bội Châu (Xã Bồng Sơn)	SGDĐT	60	59	1	1																												1						1															
17	Trường THPT Tam Quan (Xã Tam Quan)	SGDĐT	61	59	2	1																												1																1	1			1	
18	Trường THPT Hoài Ân (Xã Hoài Ân)	SGDĐT	35	33	1																																														1			1	
19	Trường THPT Trần Quang Diệu (Xã Ân Tường)	SGDĐT	62	58	2	2																												2			1												1						
20	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (Phường Quy Nhơn)	SGDĐT	82	75	5	5																												5					1	1		1								2					
21	Trường THPT chuyên Chu Văn An (Phường Bồng Sơn)	SGDĐT	76	65	9	8																												8	1	1	1		1	1	1	1								1	1				1
22	Trường PTDTNT THCS và THPT Vân Canh (Xã Vân Canh)	SGDĐT	66	60	3	3																												3	2					1															
23	Trường THPT Lương Thế Vinh (xã Kbang)	SGDĐT	71	68	2	1																												1						1											1		1		
24	Trường THPT Anh hùng Núp (xã Tơ Tung)	SGDĐT	33	29	4	4																												4			1		1	1		1													
25	Trường THPT số 2 Quang Trung (phường An Khê)	SGDĐT	71	70	1																																														1	1			
26	Trường THPT Nguyễn Khuyến (phường An Khê)	SGDĐT	39	37	2	2																												2	1				1																
27	Trường THCS và THPT Y Đôn (xã Đak Pơ)	SGDĐT	55	52	3	2																												2											1					1	1			1	
28	Trường THPT Hà Huy Tập (xã Kong Chro)	SGDĐT	60	50	8	6																												6	1	1			1	1					1			1			2	1			1
29	Trường THPT Trần Hưng Đạo (xã Mang Yang)	SGDĐT	77	71	6	5																												5	1				1	1	1	1									1			1	
30	Trường THCS và THPT Kpă Klơng (xã Lơ Pang)	SGDĐT	55	34	17	15																												15	3		1		1	1	1	2	1	2		1		1		1	2		1	1	
31	Trường THPT số 2 Nguyễn Trường Tộ (xã Ia Nan)	SGDĐT	46	37	7	6																												6					2	1	1									2	1		1		
32	Trường THPT Lê Hoàn (xã Đức Cơ)	SGDĐT	77	67	9	9																												9		1		1	2		2	1	1		1										
33	Trường THPT Tôn Đức Thắng (xã Ia Krêl)	SGDĐT	31	21	10	8																												8					1	1	1	1	1	1	1					1	2	1	1		
34	Trường THCS và THPT Nguyễn Văn Cừ (xã Bờ Ngoong)	SGDĐT	53	42	9	8																												8	2				2	1		1	1		1						1		1		
35	Trường THPT Trường Chinh (xã Chư Sê)	SGDĐT	62	58	4	4																												4	2				1				1												
36	Trường THPT số 2 Trần Cao Vân (xã Ia Ko)	SGDĐT	52	43	9	7																												7			1		1				1	1	1			1	1		2	1	1		
37	Trường THPT số 2 Nguyễn Bỉnh Khiêm (xã Chư Sê)	SGDĐT	88	85	3	2																												2											2						1		1		
38	Trường THPT Trần Quốc Tuấn (xã Phú Thiện)	SGDĐT	77	74	3	2																												2						1										1	1		1		
39	Trường THPT Võ Văn Kiệt (xã Phú Thiện)	SGDĐT	36	31	4	3																												3					1		1									1	1			1	
40	Trường THPT Nguyễn Tất Thành (xã Ia Pa)	SGDĐT	43	42	1																																														1		1		
41	Trường THPT Phan Chu Trinh (xã Ia Tul)	SGDĐT	25	22	3	3																												3	1								1							1					
42	Trường THPT Lý Thường Kiệt (xã Ayun Pa)	SGDĐT	48	47	1																																														1			1	
43	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng (xã Ia Dreh)	SGDĐT	27	23	4	3																												3					1		1								1		1		1		
44	Trường THPT số 2 Nguyễn Du (xã Uar)	SGDĐT	45	41	3	3																												3	1							1								1					
45	Trường THPT Chu Văn An (xã Phú Túc)	SGDĐT	67	59	8	5																												5	1				1			1			1			1			3		1	1	1

Nhu cầu tuyển dụng năm 2025 — Giáo viên

TT	Tên trường	Trực thuộc SGDĐT /UBND cấp xã	Biên chế được giao	Biên chế có mặt	Tổng cộng	Tổng số GV	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học: Tổng số GV TH	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	Tiếng Anh	GDTC
46	Trường THPT Ya Ly (xã Ya Ly)	SGDĐT	41	39	**2**	**2**								
47	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi (xã Chư Păh)	SGDĐT	56	53	**3**	**3**								
48	Trường THCS và THPT Phạm Hồng Thái (xã Ia Khươl)	SGDĐT	44	39	**4**	**4**								
49	Trường THPT số 2 Nguyễn Thái Học (xã Chư Pưh)	SGDĐT	61	56	**5**	**3**								
50	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (xã Ia Grai)	SGDĐT	82	70	**12**	**12**								
51	Trường THPT A Sanh (xã Ia Krái)	SGDĐT	68	33	**31**	**30**								
52	Trường THPT Trần Phú (xã Bàu Cạn)	SGDĐT	45	31	**13**	**11**								
53	Trường THPT Lê Quý Đôn (xã Chư Prông)	SGDĐT	84	72	**10**	**10**								
54	Trường THPT Pleime (xã Ia Pia)	SGDĐT	52	35	**13**	**11**								
55	Trường THPT số 2 Nguyễn Huệ (xã Đak Đoa)	SGDĐT	77	74	**3**	**3**								
56	Trường THPT Lê Hồng Phong (xã Kon Gang)	SGDĐT	45	44	**1**									
57	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai (xã Ia Băng)	SGDĐT	44	42	**2**	**2**								
58	Trường THPT Chuyên Hùng Vương (phường Diên Hồng)	SGDĐT	112	110	**3**	**3**								
59	Trường THCS và THPT Kon Hà Nừng (xã Sơn Lang)	SGDĐT	29	23	**6**	**4**								
60	Trường THPT Võ Nguyên Giáp (xã Ia Le)	SGDĐT	36	31	**5**	**3**								

Giáo viên Trung học cơ sở

TT	Tổng số GV THCS	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	KHTN	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Lịch sử và Địa lí	Tiếng Anh	GDCD	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Công nghệ	Tin học
46																			
47																			
48																			
49																			
50																			
51																			
52																			
53																			
54																			
55																			
56																			
57																			
58																			
59																			
60																			

Giáo viên Trung học phổ thông

TT	Tổng số GV THPT	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	GDKT&PL	GDTC	GDQPAN	Âm nhạc	Mỹ thuật	KTCN	KTNN	Tin học
46	**2**	1				1											
47	**3**	1					1			1							
48	**4**					1	1		1	1							
49	**3**					2		1									
50	**12**		1	1	1	2	1		2	1	1	1					1
51	**30**	4	2	2	1	3	4	2	4	2	2	2					2
52	**11**	2				1	2	2	1		1	1				1	
53	**10**	1				1	1			1	2	2			1	1	
54	**11**	1				2	1	1	1	1	1	1			1		1
55	**3**	1				2											
56																	
57	**2**						1										1
58	**3**	1	1	1													
59	**4**					1			1	1				1			
60	**3**			1			1			1							

Nhân viên

TT	Tổng số NV	Văn Thư	Kế toán	Thiết bị, thí nghiệm	Thư viện
46					
47					
48					
49	**2**		1	1	
50					
51	**1**		1		
52	**2**	1	1		
53					
54	**2**		1	1	
55					
56	**1**			1	
57					
58					
59	**2**	1	1		
60	**2**	1	1		